

BẢN TIN

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Quý III - 2023

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



Thực tiến áp dụng quy tắc
mức thuế thấp hơn trong
điều tra chống bán phá
giá và chống trợ cấp theo
pháp luật EU



Quy chế quốc gia có nền kinh tế thị trường
- Quan điểm và cách tiếp cận của Hoa Kỳ
đối với Việt Nam

Định hướng xây dựng và áp dụng các biện
pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ thị
trường trong nước trong bối cảnh hiện nay



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại, bao gồm các lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Phòng vệ thương mại hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan có liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như việc Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu bảo vệ sản xuất trong nước.

Mục lục

- 4** Quy chế quốc gia có nền kinh tế thị trường - Quan điểm và cách tiếp cận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam
- 10** Thực tiễn áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn trong điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp theo pháp luật EU
- 22** Tổng hợp và đánh giá tình hình áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của các nước G20 giai đoạn 2009-2022
- 28** Định hướng xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ thị trường trong nước trong bối cảnh hiện nay

Phát hành 1 số/Quý

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Trịnh Anh Tuấn
Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại

**Tổ chức sản xuất và phát hành
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO (CIEW)**

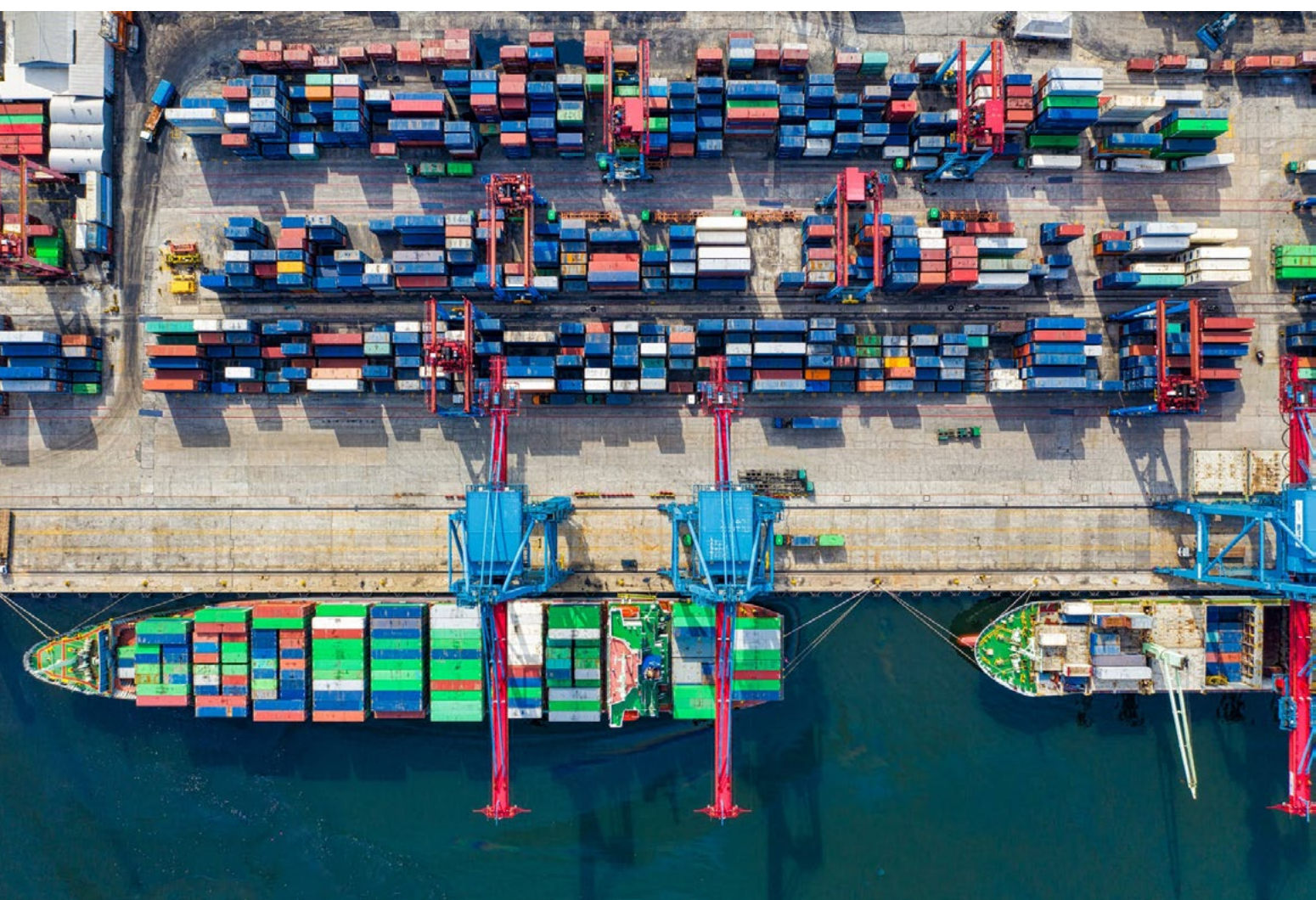
23 Ngõ Quyền - Hà Nội
ĐT: (024) 3939 3422 - Fax: (024) 7303 7897

Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả nhằm nâng cao chất lượng của Bản tin. Mọi ý kiến đóng góp, thư từ, tin, bài xin gửi về:

Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại

23 Ngõ Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897 - Email: ciew@moit.gov.vn

Lưu ý: Các phân tích đánh giá trong các bài viết phản ánh quan điểm của cá nhân tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm, đánh giá của Cục Phòng vệ thương mại



Quy chế quốc gia có nền kinh tế thị trường – Quan điểm và cách tiếp cận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam

Khi đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết để các nước thành viên WTO đối xử với Việt Nam như một nước có nền kinh tế phi thị trường trong các vụ điều tra **áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC)** tại đoạn 255 của Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO trong vòng 12 năm (đến hết ngày 31/12/2018).

Tuy nhiên, qua thời hạn này, việc công nhận kinh tế thị trường (KTTT) đối với Việt Nam (và Trung Quốc năm 2016) không được tự động áp dụng theo các điều kiện ra nhập WTO mà vẫn phải đảm bảo thỏa mãn 6 tiêu chí luật định của Hoa Kỳ theo quy định tại Mục 771(18)(b) của Đạo luật Thuế quan 1930, bao gồm:

- (i) Mức độ chuyển đổi của đồng tiền;
- (ii) Vấn đề đàm phán tiền lương, tiền công giữa người lao động và người sử dụng lao động;
- (iii) Mức độ đầu tư nước ngoài vào các hoạt động kinh tế;
- (iv) Vấn đề sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân;
- (v) Mức độ kiểm soát của Chính phủ với một số nguồn lực và giá cả;
- (vi) Các yếu tố khác.

Sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, từ năm 2008 đến nay, Việt Nam và Hoa Kỳ đã tổ chức 10 phiên làm việc cấp kỹ thuật thuộc khuôn khổ Nhóm công tác song phương về KTTT (Structural Issues Working Group-Nhóm công tác). Phiên làm việc gần nhất là Phiên thứ 10 được tổ chức tại Washington D.C, Hoa Kỳ vào tháng 12 năm 2022.

Tại Phiên họp, phía Hoa Kỳ đã chia sẻ quan điểm về các yếu tố kỹ thuật mà Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) xem xét khi đánh giá quy chế kinh tế thị trường (KTTT) của một nước. Tuy nhiên, Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh trao đổi trong khuôn khổ Nhóm công tác không mang tính chất tham vấn, đàm phán, tư vấn hay đưa ra lộ trình đánh giá về quy chế KTTT của Việt Nam. Việc đánh giá chính thức của Hoa Kỳ sẽ được dựa trên nhiều dữ kiện và số liệu thực tế, có tham khảo nhiều nguồn dữ liệu khác nhau như IMF, WB, OECD hay Economic Intelligent. Hoa Kỳ chia sẻ những kết quả cũng như khó khăn mà Việt Nam đang gặp phải trong quá chuyển đổi nền kinh tế, tuy nhiên Hoa Kỳ cũng khẳng định sẽ tiếp tục theo dõi sát quá trình cải cách kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là việc thực thi chính sách trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, môi trường, chuyển đổi kỹ thuật số, an sinh xã hội và cơ sở hạ tầng...

Qua 10 phiên làm việc của Nhóm công tác, đại diện các Bộ, ngành đã cung cấp cho DOC các quy định pháp luật, chính sách của ta trong các lĩnh vực liên quan, giúp DOC có thông tin để đánh giá khách quan hơn về nền kinh tế cũng như các lĩnh vực cụ thể khi xem xét thông tin trong các vụ việc điều tra PVTM. Việt Nam đã thể hiện tinh thần tích cực, chủ động cung cấp các thông tin nhằm chứng minh rằng nền kinh tế Việt Nam đã được vận hành theo cơ chế của nền KTTT theo 06 Tiêu chí mà pháp luật Hoa Kỳ đưa ra để đánh giá cơ chế KTTT. Để chuẩn bị cho mỗi phiên làm việc, phía Việt Nam đã nỗ lực chuẩn bị các nội dung một cách đầy đủ và chi tiết nhất về các vấn đề phía DOC quan tâm liên

quan đến từng tiêu chí được quy định trong pháp luật của Hoa Kỳ về quy chế KTTT. Sau mỗi phiên làm việc, DOC đã thu nhận được nhiều thông tin chi tiết, cập nhật có giá trị giúp DOC hiểu biết, làm rõ những vấn đề DOC đang quan tâm.

Tuy nhiên, phía Hoa Kỳ không có bất cứ phản hồi nào sau các phiên họp này. Như vậy, qua các phiên làm việc đã diễn ra có thể đánh giá rằng, việc đối thoại KTTT với Hoa Kỳ theo 06 Tiêu chí nêu trên không có hiệu quả trên thực tế. Các phiên làm việc đã diễn ra của Nhóm công tác đều là sự cung cấp thông tin một chiều từ phía các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan của Việt Nam đối với phía Hoa Kỳ, trong khi đó Việt Nam chưa nhận được các ý kiến cụ thể của Hoa Kỳ về khả năng công nhận nền KTTT của Việt Nam.

Do đó, chúng ta cần có cách tiếp cận mới đối với việc xử lý vấn đề KTTT trong các vụ việc Hoa Kỳ điều tra nhằm đạt được kết quả thực chất.

Vấn đề KTTT trong các vụ việc gần đây Hoa Kỳ điều tra đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam

Tính đến tháng 8 năm 2022, Hoa Kỳ là quốc gia khởi xướng điều tra PVTM nhiều nhất với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó chủ yếu là điều tra CBPG: 25/tổng số 56 vụ.

Việc bị coi là nền kinh tế phi thị trường có ảnh hưởng lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ điều tra CBPG. Cụ thể, khi xác định giá trị thông thường để tính biên độ phá giá, DOC sẽ sử dụng giá của một nước thứ ba (nước thay thế) để tính toán chi phí sản xuất của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

DOC có một danh sách các quốc gia thay thế, được cập nhật hàng năm, áp dụng riêng cho Việt Nam và Trung Quốc. Tiêu chí để xác định quốc gia thay thế được dựa trên: (1) trình độ phát triển kinh tế tương đương (theo thu nhập bình quân đầu người - GNI) và (2) số lượng đáng kể các nhà sản xuất sản phẩm bị điều tra tại nước thứ ba. Danh sách các quốc gia thay thế cho Việt Nam được cập nhật vào cuối năm 2021 cho Việt Nam bao gồm 6 quốc gia: Philippines, Bolivia, Morocco, Honduras, Ấn Độ và Kenya. Đến tháng 8 năm 2022, danh sách này được thay đổi bao gồm 6 quốc gia: Indonesia, Sri Lanka, Philippines, Ai Cập, Bolivia, Morocco. Việc lựa chọn quốc gia nào được căn cứ vào từng vụ việc cụ thể và các bên có thể đề xuất các quốc gia khác ngoài 6 nước trên nếu cũng thỏa mãn 2 tiêu chí nêu trên, tuy nhiên việc lựa chọn quốc gia nào sẽ do DOC quyết định.

Việc DOC sử dụng giá trị thay thế của nước ngoài thường khiến biên độ phá giá tăng cao cho các doanh nghiệp Việt Nam vì giá trị của nước thay thế không thực sự phản ánh đúng chi phí sản xuất tại Việt Nam và/hoặc đặt ra thêm nghĩa vụ cho các doanh nghiệp Việt Nam phải đề xuất giá trị phù hợp. Trong một số trường hợp, do các doanh nghiệp và/hoặc đại diện pháp lý chưa có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề kinh tế phi thị trường, nên giá trị thay thế do họ đề xuất có thể bị DOC từ chối. Ngoài ra, quốc gia thay thế do DOC xác định cũng thường xuyên thay đổi qua các đợt rà soát hành chính, khiến doanh nghiệp khó dự đoán được mức thuế CBPG của mình.

Việc coi Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường cho phép

DOC áp dụng thuế suất toàn quốc - là mức thuế dành cho các doanh nghiệp không hợp tác hoặc không chứng minh được họ không chịu sự kiểm soát của Chính phủ. Thuế suất toàn quốc thường được DOC tính toán dựa trên dữ liệu sẵn có nên bị đẩy lên rất cao, tương đương lệnh cấm và được duy trì trong tất cả các đợt rà soát, gây cản trở cho việc xem xét dỡ bỏ lệnh áp thuế của DOC. Hậu quả của mức thuế suất CBPG toàn quốc này có thể khiến các mặt hàng xuất khẩu chịu thuế của chúng ta không thể xuất sang thị trường Hoa Kỳ, doanh nghiệp có thể phải từ bỏ thị trường. Đây là vấn đề Việt Nam khiếu kiện trong tất cả các vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO với Hoa Kỳ cho đến nay.

Kể từ năm 2003 và 2004 khi lần đầu tiên Việt Nam bị áp

thuế CBPG đối với cá tra và tôm, DOC đã sử dụng giá trị thay thế (một số nước như Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ...) để tính toán biên độ phá giá cho các doanh nghiệp Việt Nam và tiếp tục duy trì thông lệ này trong tất cả các cuộc điều tra CBPG sau đó. Với việc liên tục thay đổi quốc gia thay thế trong các đợt rà soát, doanh nghiệp cá tra và tôm Việt Nam nhiều lần bị nhận mức thuế cao. Ví dụ, trong đợt rà soát hành chính cá tra lần thứ 9, 10 và 11 đối với cá tra, mức thuế chính thức đã tăng gần gấp đôi so với mức thuế sơ bộ do DOC sử dụng Indonesia làm quốc gia thay thế, thay vì Bangladesh như các đợt rà soát trước đó, bất chấp phản đối mạnh mẽ của doanh nghiệp Việt Nam. Việt Nam nhiều lần lập luận rằng Bangladesh có chi phí sản xuất và trình độ phát



triển kinh tế tương đương với Việt Nam, có đủ dữ liệu tin cậy để DOC sử dụng hơn là Indonesia.

Đặc biệt, trong vụ việc điều tra CBPG đối với mật ong gần đây, vấn đề giá trị thay thế và nước thay thế tiếp tục là nguyên nhân chính dẫn tới biên độ phá giá cao cho các doanh nghiệp Việt Nam (mức thuế sơ bộ lên đến hơn 410%), một lần nữa cho thấy sự cần thiết tiếp tục đối thoại với Hoa Kỳ về vấn đề KTTT để giảm thiểu khó khăn cho doanh nghiệp.

Xem xét một ngành sản xuất hoạt động theo “định hướng thị trường”

Về mặt quy định, các quyết định của DOC theo 06 tiêu chí chỉ dựa trên các yếu tố kỹ thuật (đặc biệt là 05 tiêu chí đầu tiên). Tuy nhiên, trên thực tế quyết định công nhận quy chế KTTT

cho một nước cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác, đặc biệt là yếu tố chính trị. Điều này đã được thể hiện trong trường hợp DOC công nhận nền KTTT của Liên bang Nga, Ca-dắc-xtan, Cộng hòa Séc... năm 2002, U-cờ-rai-na năm 2006.

Tuy nhiên, kể cả khi một nước bị coi là một nền kinh tế “phi thị trường” thì DOC cũng có thể sử dụng phương pháp KTTT để xác định giá trị thông thường của sản phẩm bị điều tra nếu như ngành sản xuất sản phẩm bị điều tra chứng minh được rằng ngành đó là một ngành hoạt động “theo định hướng thị trường” (market-oriented industry - MOI). Trong một vụ kiện chống bán phá giá, nếu nước xuất khẩu chưa được DOC công nhận là nước có nền KTTT (Theo quy định tại Section 773(c)(1) của Đạo luật Thuế quan

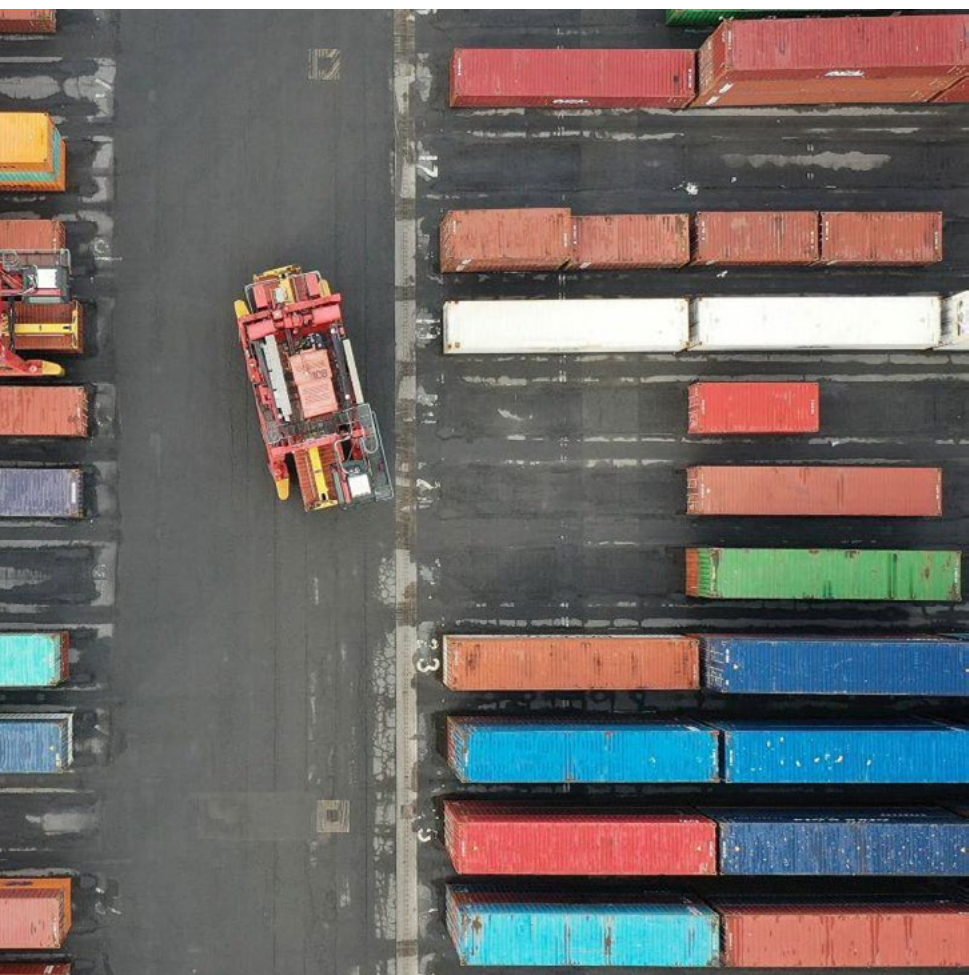
1930), các doanh nghiệp nước đó có thể yêu cầu DOC xem xét việc hoạt động theo cơ chế thị trường của ngành sản xuất đó.

Trong bối cảnh các thành viên quan trọng của WTO chưa công nhận Trung Quốc là nền KTTT, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc gia tăng, có thể nhận định rất khó có khả năng Hoa Kỳ sớm công nhận Việt Nam là nền KTTT đầy đủ. Tuy nhiên, với việc kim ngạch xuất khẩu của ta sang Hoa Kỳ tiếp tục gia tăng nhanh chóng, số lượng các vụ việc PVTM của Hoa Kỳ đối với hàng hóa xuất khẩu của ta tiếp tục gia tăng, cùng với căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc diễn biến phức tạp thì ngoài việc thúc đẩy đối thoại với Hoa Kỳ, đặc biệt thông qua Nhóm công tác là cần thiết, chúng ta cũng cần nghiên cứu phương án đề nghị Hoa Kỳ xem xét việc hoạt động theo cơ chế thị trường của một ngành sản xuất trong một vụ việc cụ thể. Trong giai đoạn 2019 đến nay, Hoa Kỳ đã khởi xướng điều tra nhiều vụ việc chống bán phá giá với Việt Nam đối với các sản phẩm như: tháp gió, đệm mút, máy cắt cỏ, lốp xe ô tô, ống đồng, sợi Polyester, mật ong). Trong các vụ việc này, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục xác định Việt Nam là *nền kinh tế phi thị trường*, do đó trong quá trình tính toán biên độ bán phá giá vẫn sử dụng giá trị thay thế từ các nước khác (chủ yếu là Ấn Độ), dẫn tới mức thuế chống bán phá giá bị rất cao, gây tác động tiêu cực.

Chính sách về nền kinh tế phi thị trường của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới

Đối với Trung Quốc

Theo Nghị định thư gia nhập WTO của Trung Quốc (Section



15.(a).(ii) và (d)), các thành viên WTO trong đó có Hoa Kỳ có thể dùng phương pháp tính toán biên độ bán phá giá đối với nền kinh tế bị coi là phi thị trường cho đến ngày 11 tháng 12 năm 2016. Trước thời điểm này, Hoa Kỳ có thể công nhận nền KTTT của Trung Quốc nếu như có yêu cầu chính thức của Chính phủ Trung Quốc (hoặc chính thức ủng hộ doanh nghiệp bị đơn của mình trong các vụ việc CBPG cụ thể).

Ngày 02 tháng 02 năm 2006, Bộ Thương mại Trung Quốc (MOFCOM), chính thức gửi bản đề trình yêu cầu Hoa Kỳ xem xét công nhận nền KTTT trong vụ việc điều tra CBPG đối với mặt hàng giấy (*Certain Lined Paper Product Case*). Tuy nhiên trong vụ việc này, DOC kết luận mặc dù nền kinh tế Trung Quốc có những sự thay đổi đáng kể tuy nhiên vẫn không được công nhận nền KTTT. Kết luận này của DOC là cơ sở dẫn chiếu đến các vụ việc điều tra tiếp theo của Hoa Kỳ về việc không công nhận KTTT cho Trung Quốc.

Ngày 03 tháng 4 năm 2017, trước bối cảnh quy định tại Section 15.a.(ii) hết hiệu lực, DOC thông báo về việc chính thức rà soát xem xét quy chế KTTT của Trung Quốc trong vụ việc điều tra đối với sản phẩm phôi nhôm (*Aluminum foil Case*). Đây là vụ việc điều tra CBPG mới đầu tiên đối với Trung Quốc kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2016.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, USDOC ban hành Kết luận cuối cùng về quy chế KTTT theo đó Trung Quốc là nền kinh tế phi thị trường vì nền kinh tế này không vận hành dựa trên các nguyên tắc thị trường đủ để cho phép việc sử dụng giá cả và chi phí của Trung Quốc khi DOC phân tích bán phá giá. Căn cứ để DOC đưa ra kết luận này là vai trò của nhà nước trong nền kinh tế và mối liên hệ giữa vai trò này với thị trường và khu vực kinh tế tư nhân dẫn đến những sự lệch lạc căn bản trong nền kinh tế của Trung Quốc.

Như vậy, căn cứ Kết luận của DOC về quy chế KTTT của Trung Quốc lần thứ 2 (sau năm 2006) trong vụ phôi nhôm, Hoa

Kỳ chính thức xác nhận quan điểm và chính sách của mình rằng thậm chí sau ngày 11 tháng 12 năm 2016, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục áp dụng phương pháp tính toán phi thị trường đối với Trung Quốc trừ khi hoặc cho đến khi Trung Quốc được công nhận là quốc gia có nền KTTT theo nội luật của Hoa Kỳ.

Hành động của Trung Quốc

Một ngày sau ngày hết hạn của Section 15.(a).(ii) của Nghị định thư gia nhập, tức ngày 12 tháng 12 năm 2016, Trung Quốc đã gửi yêu cầu tham vấn với Hoa Kỳ trong khuôn khổ giải quyết tranh chấp tại WTO về việc xem xét áp dụng phương pháp tính toán biên độ bán phá giá theo điều kiện KTTT đối với các vụ việc khởi xướng điều tra hoặc kết luận sơ bộ/cuối cùng sau ngày 11 tháng 12 năm 2016. (*DS515 - United States - Measures related to price comparison methodologies*). Liền sau đó, Trung Quốc cũng gửi yêu cầu tham vấn với Liên minh Châu Âu (EU) về vấn đề tương tự (*DS516*) và vụ việc đã được Ban Hội thẩm xem xét. Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Hoa Kỳ chính thức ủng hộ EU trong vụ việc *DS516* với tư cách bên thứ ba. Bản đề trình ý kiến bên thứ ba của Hoa Kỳ khẳng định một lần nữa lập trường của Hoa Kỳ rằng: “Thời hạn hiệu lực trong Nghị định thư gia nhập của Trung Quốc không có nghĩa các thành viên WTO không còn quyền để từ chối hoặc thay thế giá hoặc chi phí của nền kinh tế phi thị trường khi so sánh giá tính toán biên độ Bán phá giá. (*Mục 9.1 - US Legal Interpretation 30 November 2017*).

Như vậy, có thể thấy cả Hoa Kỳ và Trung Quốc đều đã có những bước chuẩn bị kỹ cho vấn



để kinh tế phi thị trường. Đối với Hoa Kỳ, việc rà soát lại quy chế KTTT cho Trung Quốc trong vụ phôi nhôm nhằm tạo cơ sở cho việc tiếp tục coi Trung Quốc là nền kinh tế phi thị trường. Trong khi đó, Trung Quốc đã chọn con đường pháp lý tại WTO để yêu cầu Hoa Kỳ phải thay đổi quyết định của mình thể hiện việc Trung Quốc khởi động ngay DS515 sau khi hết hiệu lực Mục 15.5(ii), đồng thời tiếp tục chờ đợi kết quả của Hoa Kỳ tại vụ Phôi nhôm để Trung Quốc yêu cầu tham vấn bổ sung. Chính vì vậy, kết quả cuối cùng của DSB có ảnh hưởng rất quan trọng đối với chính sách cả hai.

Tuy nhiên sau hơn một năm để xuất tham vấn với Hoa Kỳ và EU, vụ việc vẫn còn trong giai đoạn tham vấn thì Trung Quốc đã rút đơn khởi kiện Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu ra cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO.

Đối với Việt Nam

Tương tự như Trung Quốc, Việt Nam khi đàm phán gia nhập WTO, đã buộc phải cam kết để các nước thành viên WTO có thể đối xử Việt Nam là một nước có nền kinh tế phi thị trường trong các vụ điều tra CBPG tại đoạn 255 của Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO trong vòng 12 năm (đến hết ngày 31/12/2018).

Đến nay, chúng ta cần có cách tiếp cận mới đối với vấn đề công nhận quy chế quốc gia có nền KTTT đầy đủ trong bối cảnh Hoa Kỳ và Việt Nam xúc tiến nâng cấp quan hệ ngoại giao và kỷ niệm 10 năm quan hệ đối tác toàn diện giữa hai nước.

Khác với quy định của EU, Hoa Kỳ không có sự thay đổi về nội luật đối với vấn đề KTTT do cách tiếp cận của Hoa Kỳ chỉ

xem xét trong một vụ việc cụ thể. Động thái của Hoa Kỳ trong các điều tra CBPG với hàng xuất khẩu của Việt Nam cho thấy họ đang ứng xử với chúng ta tương tự với Trung Quốc khi cuộc chiến pháp lý với Trung Quốc tại WTO chưa có kết quả từ năm 2018.

Việc vận động/đối thoại để Hoa Kỳ công nhận Việt Nam có nền KTTT đã trải qua một nỗ lực rất lâu dài của Việt Nam (Từ vụ Cá tra, cá basa 2002 đến nay là hơn 20 năm cùng với 10 phiên đối thoại thiện chí của Việt Nam nhưng đều chưa có kết quả). Do đó, trước những thay đổi mới về chính sách về KTTT như hiện nay của Hoa Kỳ và thời hạn hết hiệu lực của Đoạn 255 Báo cáo gia nhập WTO, Việt Nam cần quyết tâm nỗ lực đẩy mạnh việc vận động nền KTTT về cả mặt pháp lý lẫn ngoại giao hiệu quả.

Theo đó, cùng với việc vận động Hoa Kỳ công nhận nền KTTT của Việt Nam theo các kênh ngoại giao và đối thoại theo 06 tiêu chí của Hoa Kỳ, chúng ta cần chính thức đưa một vụ việc rà soát CBPG/CTC cụ thể để nghị Hoa Kỳ xem xét công nhận quy chế KTTT đầy đủ.

Căn cứ quy trình thủ tục công nhận nền KTTT của Hoa Kỳ, Việt Nam lần đầu tiên gửi yêu cầu xem xét Việt Nam là nền KTTT trong các vụ kiện bán phá giá đối với cá tra, cá ba-sa (2002). Tuy nhiên, sau khi xem xét các thông tin được cung cấp, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã không chấp nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường, và các doanh nghiệp Việt Nam cũng không được hưởng quy chế này. Cho đến các vụ việc tiếp theo như tôm đông lạnh (2004) và các vụ việc tiếp theo cho đến nay, Hoa Kỳ đều chưa rà soát lại và

công nhận nền KTTT Việt Nam trong khuôn khổ các vụ việc cụ thể.

Việt Nam cần tiếp tục có thư đề nghị DOC xem xét lại vấn đề KTTT liên quan đến một lệnh áp thuế CBPG/CTC cụ thể với sản phẩm cụ thể (có thể là vụ việc đang điều tra, đang rà soát hành chính/cuối kỳ hoặc rà soát nhà xuất khẩu mới mà ta cho là phù hợp, miễn là còn đủ thời gian để thực hiện rà soát thay đổi hoàn cảnh trước thời hạn mà DOC phải ban hành kết luận chung cuối cùng cho vụ việc đó - tức là còn ít nhất 09 tháng). Theo quy định tại Mục 751 (b), Đạo luật Thuế quan Hoa Kỳ 1930 và Mục 351.216, 19 C.F.R, các bên có thể đề nghị DOC khởi xướng rà soát thay đổi hoàn cảnh (changed circumstances review) để xem xét lại vấn đề KTTT liên quan đến một lệnh áp thuế CBPG/CTC tại bất kỳ thời điểm nào. Thư đề nghị và các tài liệu liên quan trong quá trình rà soát thay đổi hoàn cảnh đều phải nộp và được lưu trữ trên Cổng thông tin điện tử ACCESS của Hoa Kỳ. Tài liệu đối thoại về KTTT theo 6 tiêu chí cần được cập nhật đầy đủ và các lập luận, dẫn chứng đến các báo cáo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như IMF, WB, OECD... sẽ hỗ trợ cho việc xem xét của DOC.

PHAN KHÁNH AN

Phòng Pháp chế



**Thực tiễn áp dụng quy tắc mức thuế
thấp hơn trong điều tra chống bán
phá giá và chống trợ cấp theo pháp
luật EU**

Ngày 8 tháng 6 năm 2018, các quy tắc chống bán phá giá và chống trợ cấp mới có hiệu lực nhằm hiện đại hóa và củng cố các công cụ phòng vệ thương mại của EU¹. Một trong những thay đổi chính là cách thức mà EU áp dụng “quy tắc mức thuế thấp hơn” – “lesser duty rule”. Điều 23(4) mới của Quy định Chống bán phá giá cơ bản² (BADR) và Điều 32a(2) của Quy định Chống trợ cấp cơ bản³ (BASR) yêu cầu Ủy ban châu Âu (EC) đệ trình bản rà soát lại và đánh giá việc áp dụng các điều khoản mới về quy tắc mức thuế thấp hơn trước ngày 9 tháng 6 năm 2023, nếu phù hợp, với một đề xuất pháp lý. Đánh giá này bao gồm các vụ việc khởi xướng sau ngày 9 tháng 6 năm 2018 và kết thúc vào cuối tháng 3 năm 2023. Đánh giá này nêu rõ cách mà các điều khoản mới được áp dụng và tác động, nếu có, đối với cấp độ của các biện pháp.

Theo quy định của WTO, mức thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp không thể cao hơn biên độ phá giá hoặc trợ cấp, nhưng mức thuế đó nên thấp hơn nếu mức đó đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước (“underselling

margin” - sau đây gọi là “biên độ bán dưới giá”). Tỷ lệ này được tính toán bằng cách so sánh giá nhập khẩu với chi phí sản xuất sản phẩm của ngành công nghiệp EU và tỷ suất lợi nhuận hợp lý.

Trước tháng 6/2018, EU luôn áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn trong các vụ điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp. Tuy nhiên, với quan điểm tăng cường các công cụ phòng vệ thương mại, các nhà lập pháp cho rằng một số loại bóp méo đặc biệt có hại và do đó, mức thuế dựa trên các quy tắc mức thuế thấp hơn sẽ không phản ánh hết mức độ thiệt hại do hàng nhập khẩu gây ra. Một mặt, điều này liên quan đến các hoạt động trợ cấp và một số biện pháp làm sai lệch giá của nguyên liệu thô (dù là chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý, bao gồm cả năng lượng) tạo ra lợi thế không công bằng cho các công ty trên thị trường của quốc gia liên quan.

Theo quy định mới, trong các cuộc điều tra chống trợ cấp, không thể áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn. Mức thuế chống trợ cấp được đưa ra ở mức trợ cấp tương đương. Quy tắc mức thuế thấp hơn chỉ áp dụng khi có thể kết luận rõ ràng rằng việc xác định các biện pháp dựa trên mức trợ cấp không mang lại lợi ích cho EU. Điều này có nghĩa là theo mặc định, các biện pháp chống trợ cấp sẽ hoàn toàn bù đắp các khoản trợ cấp mà nhà xuất khẩu nhận được, do đó cho phép EU giải quyết các tác động bóp méo và thiệt hại do hàng nhập khẩu được trợ cấp gây ra một cách chặt chẽ hơn.

Trong các cuộc điều tra chống bán phá giá, việc áp dụng

quy tắc mức thuế thấp hơn cũng đã được điều chỉnh. Mặc dù quy tắc mức thuế thấp hơn vẫn được áp dụng trong một số trường hợp, nhưng trong một số trường hợp đặc biệt (có nghĩa là có sự bóp méo đáng kể về nguyên liệu thô), EC có thể áp dụng các biện pháp ở mức biên độ phá giá tương đương chứ không phải ở mức biên độ phá giá thấp hơn, bởi vì điều đó là được coi là cần thiết để loại bỏ thiệt hại bổ sung mà ngành sản xuất phải chịu do sự bóp méo về nguyên liệu thô. Để áp thuế ở mức ở mức biên độ phá giá tương đương, cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tồn tại sự bóp méo đáng kể về nguyên liệu thô. Bao gồm: cơ chế định giá kép, thuế xuất khẩu, thuế phụ thu xuất khẩu, hạn ngạch xuất khẩu, cấm xuất khẩu, chính sách thuế xuất khẩu, yêu cầu cấp phép, giá xuất khẩu tối thiểu, hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT), giảm hoặc thu hồi, hạn chế về điểm thông quan đối với nhà xuất khẩu, danh sách nhà xuất khẩu đủ điều kiện, nghĩa vụ thị trường nội địa, khai thác có điều kiện nếu giá của nguyên liệu thô thấp hơn đáng kể so với giá tại các thị trường quốc tế đại diện. Danh sách này có thể được sửa đổi nếu Danh mục hạn chế xuất khẩu đối với nguyên liệu thô công nghiệp của OECD⁴, hoặc bất kỳ cơ sở dữ liệu nào của OECD, thay thế danh sách này, xác định các loại biện pháp khác;

- Sự bóp méo này phải liên quan đến ít nhất một nguyên liệu thô chiếm hơn 17% chi phí sản xuất sản phẩm liên quan tại nước xuất khẩu;

1 Quy định (EU) 2018/825 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 30 tháng 5 năm 2018 sửa đổi Quy định (EU) 2016/1036 về bảo hộ chống hàng nhập khẩu bán phá giá từ các nước không phải là thành viên của EU Châu Âu và Quy định (EU) 2016/1037 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về bảo vệ chống lại hàng nhập khẩu được trợ cấp từ các nước không phải là thành viên của EU Châu Âu, OJ L 143, 7.6.2018, tr. 1.

2 Quy định (EU) 2016/1036 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về bảo hộ chống hàng nhập khẩu bán phá giá từ các nước không phải là thành viên của EU Châu Âu, OJ L 176, 30.6.2016, tr. 21.

3 Quy định (EU) 2016/1037 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về bảo vệ chống lại hàng nhập khẩu được trợ cấp từ các nước không phải là thành viên của EU Châu Âu, OJ L 176, 30.6.2016, tr.55.

- Giá của nguyên liệu thô bị bóp méo cần phải thấp hơn đáng kể so với giá tại các thị trường quốc tế đại diện;

- EC phải xác định biện pháp có mức độ cao hơn phù hợp với lợi ích của EU bằng cách kiểm tra tất cả các thông tin quan trọng như năng lực sản xuất dự phòng ở nước xuất khẩu, cạnh tranh về nguyên liệu thô và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng đối với các công ty của EU.

Quy tắc mức thuế thấp hơn trong điều tra chống bán phá giá - Điều 7(2A) B A D R

Khi EC xem xét áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn, EC phải có đủ bằng chứng về sự bóp méo đáng kể của nguyên liệu thô đáp ứng các điều kiện nói trên. Sự bóp méo này chỉ được xem xét trong cuộc điều tra sau khi EC đã xác định rằng biên độ phá giá cao hơn biên độ bán dưới giá. Theo các quy định chung của WTO và EU, mức thuế áp dụng không được cao hơn biên độ phá giá đã được xác định, và do đó, lập luận phân tích sự tồn tại về sự bóp méo và các điều kiện pháp lý sẽ còn tạo ra các cuộc tranh luận trong những trường hợp này.

EC đã áp thuế chống bán phá giá cuối cùng trong 34 vụ việc được khởi xướng trong quá trình rà soát này (danh sách các vụ việc có trong Phụ lục 1). Trong số 34 cuộc điều tra, vấn đề bóp méo đáng kể của nguyên liệu thô đã được nêu ra trong 13 vụ việc.

*** *Biên độ phá giá thấp hơn biên độ bán dưới giá - bóp méo đáng kể không được xem xét***

Trong 4 vụ điều tra (nhôm định hình nhập khẩu từ Trung Quốc (2021); thép tấm

cán nóng nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ (2021); thép tấm cán nguội không gỉ nhập khẩu từ Indonesia (2021) và điện cực than chì nhập khẩu từ Trung Quốc (2022)), biên độ phá giá được xác định thấp hơn so với biên độ bán dưới giá. Do đó, EC đã không kiểm tra các sai lệch về nguyên liệu thô vì các biện pháp chỉ có thể được áp dụng ở mức biên độ phá giá.

*** *Biên độ bán dưới giá thấp hơn biên độ phá giá - bóp méo đáng kể được xem xét***

Trong 9 vụ việc còn lại, đối với một số công ty, biên độ phá giá cao hơn so với biên độ bán dưới giá. Do đó, EC đã kiểm tra xem các điều kiện theo Điều 7(2a) BADR có được đáp ứng hay không.

- Ba (3) trong số 9 vụ việc này (canxi silic (2022), nhôm cán phẳng (2021) và nhôm lá (2021) – tất cả đều nhập khẩu từ Trung Quốc), nguyên liệu thô chiếm hơn 17% chi phí sản xuất của sản phẩm. Tuy nhiên, trong vụ Canxi Silic, EC không tìm thấy bằng chứng nào chứng minh cho cáo buộc rằng giá điện ở các tỉnh phía Bắc Trung Quốc đã bị bóp méo bởi cơ chế định giá kép và hơn nữa, không có nhà sản xuất/xuất khẩu hợp tác nào được đặt tại khu vực đó. Một nhà sản xuất cũng cung cấp bằng chứng cho thấy giá điện trong khu vực của họ cao hơn so với giá được xác định trong đơn khiếu nại. Đối với 2 vụ việc về sản phẩm nhôm, giá trong nước của nhôm thời, bị cho là bóp méo, không thấp hơn đáng kể so với giá tại các thị trường quốc tế đại diện. Trong vụ nhôm lá, giá dao động trên và dưới giá tiêu chuẩn quốc tế. Do đó, trong ba cuộc điều tra này, các điều kiện theo Điều 7(2a)

BADR đã không được đáp ứng và các biện pháp được áp dụng ở mức biên độ bán dưới giá.

- Trong vụ thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Ấn Độ (2021), bóp méo liên quan đến crom chiếm hơn 17% chi phí sản xuất. Biên độ bán dưới giá của một nhà sản xuất xuất khẩu Ấn Độ, Chromeni, thấp hơn biên độ phá giá. Tuy nhiên, trên thực tế, Chromeni không sử dụng nguyên liệu thô bóp méo và do đó, không cần phải phân tích thêm về việc áp dụng Điều 7(2a) và 7(2b) của BADR.

- Trong hai cuộc điều tra tiếp theo (thép tấm và thép cuộn không gỉ cán nóng từ Indonesia và Trung Quốc (2020)), vấn đề bóp méo nguyên liệu thô như sau: Đối với Indonesia, tồn tại bóp méo đối với quặng niken chiếm hơn 17% giá thành sản xuất. Những bóp méo này bao gồm lệnh cấm xuất khẩu, thuế xuất khẩu, yêu cầu cấp phép và hạn ngạch xuất khẩu trên thực tế. Giá thanh toán cho quặng niken thấp hơn đáng kể (hơn 30%) so với giá tại thị trường quốc tế đại diện (Philippines). Đối với Trung Quốc, những sai lệch đáng kể đã được tìm thấy bao gồm thuế xuất khẩu hoặc yêu cầu cấp phép đối với một số nguyên liệu thô (phế liệu thép không gỉ, sắt silic, gang niken và sắt crom, vanadi và niken sắt). Ít nhất một trong số chúng được phát hiện chiếm hơn 17% chi phí sản xuất sản phẩm bị điều tra. Giá của những nguyên liệu thô chính này thấp hơn đáng kể so với giá tại các thị trường quốc tế đại diện và do đó các điều kiện theo Điều 7(2a) của BADR đã thỏa mãn. Tuy nhiên, việc kiểm tra lợi ích của EU theo Điều 7(2b) của BADR cho thấy rằng tác động của các biện pháp đối với hàng nhập khẩu từ

Trung Quốc và Indonesia, ở mức biên độ phá giá, sẽ không tương xứng do tác động tiêu cực mạnh mẽ được dự đoán trước đối với chuỗi cung ứng và về khả năng tài chính của một người dùng quan trọng chiếm 30% đến 40% mức tiêu thụ của EU. Về tác động đối với chuỗi cung ứng, EC lưu ý rằng các nhà sản xuất sản phẩm liên quan khác của EU, mặc dù có năng lực sản xuất dự phòng đáng kể, nhưng hầu như không cung cấp cho người dùng kể trên. Hơn nữa, khối lượng nhập khẩu tiềm năng từ các nước xuất khẩu khác bị hạn chế. Ngoài ra, người dùng bị ảnh hưởng sẽ cần phải sắp xếp lại các chuỗi giá trị để chống lại tác động của các biện pháp dựa trên biên độ bán dưới giá thấp hơn do tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận. EC nhận thấy rằng khả năng người dùng chuyển gánh nặng tăng chi phí lớn cho khách hàng của họ là đáng nghi ngờ vì đối thủ cạnh tranh chính của người dùng trên thị trường thứ cấp là các nhà sản xuất thép cuộn cán nóng không gỉ của EU. Do đó, việc áp dụng mức thuế suất cao hơn không có lợi cho EU và vì vậy các biện pháp được áp dụng ở mức thuế suất thấp hơn để loại bỏ thiệt hại cho ngành công nghiệp của EU.

- Trong ba vụ việc còn lại, quy tắc mức thuế thấp hơn được điều chỉnh cho một vài hoặc tất cả các nhà xuất khẩu.

+ Vụ điều tra chống bán phá giá đầu tiên ở EU mà quy tắc mức thuế thấp hơn được điều chỉnh là vụ urea amoni nitrat (UAN) nhập khẩu từ Nga (2019). Cơ quan điều tra đã phát hiện ra những bóp méo liên quan đến khí tự nhiên, nguyên liệu đầu vào chính của UAN, bóp méo về thuế xuất khẩu, yêu cầu cấp phép và định giá kép. Giá khí tự

nhiên thấp hơn đáng kể so với giá Waidhaus (giá khí xuất khẩu của Nga tại biên giới Đức/Séc). Đối với tất cả các công ty hợp tác xuất khẩu, biên độ phá giá cao hơn biên độ bán dưới giá. Trong bài kiểm tra về lợi ích của EU, EC đã kết luận rằng việc áp thuế ở mức bán phá giá cao hơn sẽ không gây ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng ở EU và mọi tác động sẽ bị hạn chế và không tương xứng. Do đó, EC nhận thấy rằng phân bổ nói chung chiếm 1% chi phí cạnh tác vào thời điểm đó. Đối với các trang trại chuyên biệt phụ thuộc nhiều hơn vào UAN, nó có thể chiếm tới 10% chi phí sản xuất và việc tăng thuế, ngay cả ở mức cao nhất được đề xuất, sẽ có tác động khoảng 3% đến chi phí. Cho rằng các nhà sản xuất của EU không chỉ bị thiệt hại do bán phá giá mà còn chịu thêm sự bóp méo thương mại so với các nhà sản xuất/ xuất khẩu của Nga, EC kết luận rằng mức thuế thấp hơn biên độ phá giá sẽ không đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành công nghiệp của EU. Kết quả là, các mức thuế dựa trên biên độ phá giá có tỷ suất từ 20% đến 31,9% so với biên độ bán dưới giá có tỷ suất từ 13,7% đến 16,3% lẽ ra sẽ được áp dụng trong trường hợp không có bóp méo về nguyên liệu thô.

+ Trong hai cuộc điều tra khác (thép mạ crom điện phân (ECCS) từ Trung Quốc (2022) và axit béo từ Indonesia (2023)), quy tắc mức thuế thấp hơn đã được điều chỉnh cho một nhà xuất khẩu hợp tác và cho tất cả nhà xuất khẩu khác trong từng vụ việc.

Trong vụ điều tra của ECCS nhập khẩu từ Trung Quốc, EC đã xem xét sự tồn tại của những bóp méo đáng kể chỉ đối với một

công ty là Handan Jintai, cho rằng biên độ phá giá của công ty này cao hơn biên độ bán dưới giá. Cuộc điều tra cho thấy có sự bóp méo đáng kể về cách thức hoàn thuế GTGT đối với thép cuộn cán nóng và giá của nguyên liệu thô đó trên thị trường đại diện không bị bóp méo cao hơn từ 30% - 50% so với giá do Handan Jintai thanh toán. Năng lực sản xuất dự phòng đáng kể ở Trung Quốc có khả năng làm tăng nguồn cung toàn cầu, ép giá và làm suy yếu hiệu quả của biện pháp nếu thuế không được áp ở mức tương xứng với biên độ phá giá. Ngoài ra, người dùng sẽ có quyền tiếp cận ECCS từ ngành công nghiệp của EU hoặc các nước thứ ba khác, ngay cả khi hàng nhập khẩu từ Trung Quốc giảm do thuế cao hơn. Do đó, EC kết luận rằng việc áp đặt các mức thuế cao hơn đối với công ty đó là vì lợi ích của EU (53,9% thay vì 23,9%). Thuế trên toàn quốc đối với các nhà sản xuất/ xuất khẩu không hợp tác dựa trên biên độ phá giá cao hơn được áp dụng đối với Handan Jintai. Vì lý do lợi ích của EU theo Điều 21 BADR, EC đã quyết định rằng mức thuế được ấn định bằng một mức tuyệt đối dựa trên số tiền cố định cho mỗi tấn.

Trong vụ điều tra axit béo, biên độ phá giá đối với một nhà xuất khẩu hợp tác là PT Musim Mas cao hơn biên độ bán dưới giá. Đối với công ty này, cuộc điều tra đã phát hiện ra những bóp méo đáng kể dưới hình thức thuế xuất khẩu liên quan đến dầu cọ thô và dầu hạt cọ thô. Các nguyên liệu thô này chiếm lần lượt hơn 40% và 50% chi phí sản xuất trong khi giá được cho là thấp hơn đáng kể so với giá phổ biến trên thị trường quốc tế. Khi kiểm tra lợi ích của EU

theo 7(2b) của BADR, EC nhận thấy rằng năng lực sản xuất dự phòng đáng kể ở Indonesia có thể làm tăng nguồn cung toàn cầu, ép giá và làm giảm hiệu quả của biện pháp nếu thuế không được áp ở mức tương xứng với biên độ phá giá. EC cũng kết luận rằng các nhà sản xuất của EU hoặc các nước thứ ba khác có thể đáp ứng cho người dùng, ngay cả khi nhập khẩu từ Indonesia giảm. Do đó, việc áp dụng thuế ở mức cao hơn (46,4% so với 30,5%) đối với PT Musim Mas là phù hợp.

*** Đánh giá**

Theo pháp luật về phòng vệ thương mại mới sửa đổi, EU cho rằng cần phải giải quyết tình trạng bóp méo nguyên liệu thô đáng kể ở các nước xuất khẩu, điều này mang lại cho một số nhà sản xuất/ xuất khẩu lợi thế không công bằng đáng kể về chi phí đầu vào chính. Những hành vi này làm tăng thêm thiệt hại do hàng nhập khẩu bán phá giá gây ra cho ngành công nghiệp của EU. Những sửa đổi được đưa ra như một phần của cải cách hiện đại hóa nhằm đảm bảo quy tắc mức thuế thấp hơn góp phần chống lại các hành vi bóp méo gây bất lợi từ quốc gia xuất khẩu. Điều quan trọng là công cụ chống bán phá giá phải được trang bị đầy đủ để giải quyết những thiệt hại bổ sung phát sinh từ những lợi thế nhân tạo không công mang lại lợi ích cho một số nhà xuất khẩu và làm mất cân đối sân chơi bình đẳng.

Việc thực hiện các quy tắc mới cho thấy chúng thực tế, khả thi và có tác động khi các điều kiện được đáp ứng. Đồng thời, các quy tắc được đưa ra để đảm bảo rằng việc áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn, nền tảng của các quy tắc chống bán phá giá

của EU, chỉ có thể được đặt sang một bên trong những trường hợp rất đặc biệt (nếu được cho phép).

Việc phân tích các vụ việc liên quan đã cho thấy rằng:

- Các quy tắc đủ chi tiết và toàn diện để áp dụng trong nhiều tình huống khác nhau có thể phát sinh trong bối cảnh này.

- Các cuộc điều tra trong cuộc rà soát đã không cho thấy ngưỡng 17% (nguyên liệu thô phải chiếm hơn 17% chi phí sản xuất) sẽ không còn phù hợp. Ngưỡng này cho phép ngành công nghiệp viện dẫn các điều khoản ở giai đoạn khiếu nại trong 38% vụ kiện chống bán phá giá được khởi xướng trong giai đoạn rà soát. Hơn nữa, tất cả các cuộc điều tra đã cho thấy rằng các cáo buộc trong đơn khiếu nại về ngưỡng được đáp ứng là chính xác.

- Phân tích, khi được hướng tới, có phạm vi đủ rộng và giải quyết tất cả các bóp méo về nguyên liệu thô có tác động cụ thể đến chi phí sản xuất, do đó cho phép EC đưa ra biện pháp nếu cần thiết. Đồng thời, EC không áp dụng chế tài đối với các công ty không hưởng lợi từ việc bóp méo nguyên liệu thô, ví dụ như các công ty xuất khẩu không sử dụng nguyên liệu thô bị bóp méo.

- Kiểm tra lợi ích của EU theo Điều 7(2b) là một biện pháp bảo vệ bổ sung quan trọng để đảm bảo rằng các biện pháp với mức độ cao hơn sẽ không được áp dụng khi nó có tác động tiêu cực, chẳng hạn như đối với người dùng hoặc chuỗi giá trị. Cuộc kiểm tra trong hai vụ việc mà trong đó các biện pháp không bị áp đặt ở mức bán phá giá cao hơn do cân nhắc lợi ích của EU (thép tấm và thép cuộn

không gỉ cán nóng từ Indonesia và Trung Quốc) cho thấy mức độ thấp hơn của các biện pháp có tác động đáng kể đến khối lượng nhập khẩu, đồng thời cho phép người dùng chính và chủ lao động quan trọng trong EU tiếp tục nhập khẩu mà không bị ảnh hưởng bất lợi bởi mức thuế cao hơn.

- Các quy tắc không phân biệt đối xử, thể hiện qua thực tế là việc điều chỉnh quy tắc thuế suất thấp hơn đã được áp dụng trong các vụ việc liên quan đến Nga, Trung Quốc và Indonesia.

Quy tắc thuế suất thấp hơn trong điều tra chống trợ cấp - Điều 12(1) và 15(1) BASR

Những thay đổi được đưa ra vào tháng 6 năm 2018 trong Điều 12(1) và 15(1) BASR đã làm giảm hiệu quả việc áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn đối với các vụ việc mà EC nhận thấy áp thuế ở mức tương ứng với mức trợ cấp không mang lại lợi ích cho EU. Khi kiểm tra lợi ích của EU, xem xét tất cả các lợi ích liên quan, bao gồm cả của ngành công nghiệp của EU, nhà nhập khẩu và người sử dụng trong EU, cho thấy việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp là vì lợi ích của EU, thì EC sẽ áp thuế chống trợ cấp ở mức cao hơn.

EC đã áp dụng các biện pháp chống trợ cấp trong 8 vụ việc được khởi xướng kể từ ngày 8 tháng 6 năm 2018. EC đã tiến hành các cuộc điều tra chống bán phá giá riêng biệt đối với cùng một sản phẩm có cùng nguồn gốc trong 6 vụ việc. Danh sách các vụ việc có trong Phụ lục 2.

Trong các vụ việc, căn cứ vào cuộc kiểm tra lợi ích của EU tại Điều 15(1), EC đã kết luận rằng không có lý do thuyết phục nào để kết luận rằng việc áp dụng các

biện pháp chống trợ cấp ở mức trợ cấp là không có lợi cho EU. Trong hai vụ việc (diesel sinh học nhập khẩu từ Indonesia (2019) và sợi thủy tinh nhập khẩu từ Ai Cập (2020)), kết luận đó đã được đưa ra ở giai đoạn tạm thời theo Điều 12(1).

Xem xét hai vụ việc chống trợ cấp mà không có cuộc điều tra chống bán phá giá riêng biệt nào đối với cùng một sản phẩm có cùng nguồn gốc, EC nhận thấy rằng mức trợ cấp thấp hơn biên độ bán dưới giá được kết luận – do đó mức trợ cấp sẽ được áp theo các quy tắc trước đây.

Sáu (6) vụ điều tra trong đó có các vụ điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp riêng biệt cho thấy các kết quả khác nhau.

Trước khi sửa đổi/tăng cường công cụ phòng vệ thương mại, quy tắc mức thuế thấp hơn áp dụng trong các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp mang ý nghĩa là chỉ có một mức loại trừ thiệt hại cho cả hai vụ kiện vì chúng điều chỉnh cùng một mặt hàng nhập khẩu. Do đó, các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp kết hợp bị giới hạn bởi mức độ loại trừ thiệt hại. Kể từ khi luật sửa đổi có hiệu lực vào tháng 6 năm 2018, tình hình đã thay đổi. Nói chung, ngoại trừ các vụ việc mà có quy định khác về lợi ích của EU, các biện pháp chống trợ cấp hiện được áp dụng bổ sung cho bất kỳ mức thuế chống bán phá giá riêng biệt nào, đã gồm toàn bộ biên độ thiệt hại được xác lập trong các trường hợp đó.

Điều này được chứng minh trong cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với nhôm lá nhập khẩu từ Trung Quốc. Biện pháp chống bán phá giá được áp dụng ở mức biên độ

bán dưới giá trong khoảng từ 23,6% đến 28,5%. Trước khi sửa luật, mức độ đầy đủ của các biện pháp được áp dụng cho cả thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được giới hạn ở mức loại bỏ thiệt hại đó. Tuy nhiên, theo các quy định hiện hành, EC đã áp dụng biện pháp chống trợ cấp ở mức tương đương mức trợ cấp được xác định, mà không làm giảm các biện pháp chống bán phá giá riêng biệt tương ứng, bởi làm như vậy không đi ngược lại lợi ích của EU. Điều này dẫn đến thuế bổ sung trong khoảng từ 0,7% đến 18,2%.

Trong các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp riêng biệt liên quan đến thép tấm không gỉ cán nguội (SSCR) nhập khẩu từ Ấn Độ (2022) và vải sợi thủy tinh (GFF) nhập khẩu từ Trung Quốc (2020), cũng có tác động đến mức độ của các biện pháp. Những thay đổi về luật pháp dẫn đến một số nhà xuất khẩu bị áp dụng các biện pháp ở mức độ cao hơn so với các vụ việc khác theo các quy định trước đây. Trong vụ SSCR, mức thuế cuối cùng của các biện pháp đối với Chromeni Steels Private Ltd bao gồm toàn bộ thuế chống trợ cấp 7,5% và thuế chống bán phá giá 35,3% đã bao gồm biên độ thiệt hại. Tương tự như vậy trong vụ GFF, mức thuế trợ cấp 17% đã được áp dụng cho Tập đoàn Yuntianhua và mức thuế bán phá giá 37,6% cũng bao gồm toàn bộ biên độ thiệt hại. Trong cả hai vụ việc này, trước khi có những thay đổi, tổng mức thuế cuối cùng của các biện pháp sẽ được giới hạn ở mức loại bỏ thiệt hại.

Mặt khác, trong các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với cáp quang

nhập khẩu từ Trung Quốc (2022), các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp kết hợp được áp dụng dựa trên mức bán phá giá và mức trợ cấp, và mặc dù đáng kể (từ 19,7% đến 44%), những con số này đều thấp hơn biên độ thiệt hại. Do đó, các quy tắc mới có thể không có tác động vì mức độ của biện pháp tương ứng với mức độ bảo vệ tối đa được phép theo quy định của WTO.

*** Đánh giá**

Trợ cấp của các nước thứ ba đang là một mối lo ngại ngày càng gia tăng và điều quan trọng là phải chỉ ra rằng những hành vi như vậy gây tác động tiêu cực cho các nhà sản xuất của EU và sẽ bị xử lý triệt để. Bằng cách áp dụng các biện pháp chống trợ cấp ở mức tương ứng với mức trợ cấp, EU cho thấy họ đang giải quyết các tác động nghiêm trọng của hành vi thương mại không công bằng này một cách nghiêm ngặt, đồng thời đảm bảo sự bảo vệ đầy đủ cho ngành công nghiệp và sân chơi bình đẳng của EU.

Điều này đặc biệt rõ ràng khi có các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp riêng biệt được áp dụng cho cùng một sản phẩm từ cùng một nguồn gốc. Quy định này đã tạo ra sự khác biệt đáng kể trong một số cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp riêng biệt đối với cùng một sản phẩm cùng nguồn gốc; đáng chú ý là trong vụ nhôm lá, SSCR và GFF, bằng cách tăng mức độ bảo vệ kết hợp cho ngành sản xuất ở EU. Điều này có nghĩa là ngành công nghiệp hiện có lợi ích rõ ràng khi đưa ra khiếu nại chống trợ cấp bên cạnh khiếu nại chống bán phá giá, bởi vì

nó có thể dẫn đến việc bảo vệ bổ sung và đầy đủ.

Hơn nữa, rõ ràng là kể từ khi sửa đổi luật, các cuộc điều tra chống trợ cấp đã xác định những cách thức trợ cấp ngày càng phức tạp, bao gồm cả thông qua hỗ trợ tài chính xuyên biên giới. Trước sự biến đổi khó lường của những hành vi gây thiệt hại này, EC cho rằng cần phải tiếp tục áp dụng các biện pháp chống trợ cấp để bù đắp toàn bộ trợ cấp, nếu hợp lý. Đồng thời, việc kiểm tra lợi ích của EU duy trì sự cân bằng quan trọng và tính linh hoạt trong hệ thống cho phép EC tính đến lợi ích của tất cả các thành phần kinh tế.

Quy tắc thuế suất thấp hơn trong các cam kết - Điều 8(1) BADR và Điều 13(1) BASR

EC đã không chấp nhận bất kỳ cam kết giá mới nào trong các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp được khởi xướng kể từ khi sửa đổi luật.

Rà soát việc áp dụng Điều 9(4) BADR – giai đoạn trước khi công bố

Những thay đổi trong quá trình sửa đổi luật đã đưa ra nghĩa vụ đối với EC là phải thông báo cho tất cả các bên liên quan trước ba tuần (được thay đổi thành bốn tuần kể từ tháng 6 năm 2020 sau khi rà soát) rằng EC có ý định áp dụng các biện pháp chống bán phá giá tạm thời hay không (công bố trước). Trong giai đoạn này, EC có thể đăng ký nhập khẩu để tránh dự trữ có thể làm giảm tác dụng khắc phục hậu quả của các loại thuế, cho phép thu thuế hối tố trong khoảng thời gian đó, nếu cần.

Điều 9(4) BADR cũng được sửa đổi để cho phép EC phân tích, trong trường hợp hàng nhập

khẩu không được đăng ký, nếu có sự gia tăng đáng kể về hàng nhập khẩu trong giai đoạn trước khi công bố thông tin gây ra thêm thiệt hại. Nếu phân tích xác định thoả mãn điều kiện, EC có thể điều chỉnh biên độ thiệt hại lên.

EC đã áp thuế chống bán phá giá cuối cùng trong 34 vụ việc khởi xướng sau ngày 8 tháng 6 năm 2018. EC đã áp dụng các biện pháp tạm thời đối với 22 vụ việc và không đăng ký nhập khẩu trong 11 vụ việc. Cột cuối cùng trong Phụ lục 1 đưa ra chi tiết về các vụ việc.

Phân tích 11 vụ việc cho thấy:

- Trong các cuộc điều tra đối với nhôm lá (2021) và canxi silic (2022) - cả hai đều nhập khẩu từ Trung Quốc, lượng nhập khẩu trong đợt công bố trước giảm trung bình lần lượt là 47% và 36%. Trong cuộc điều tra về Mono-ethylene glycol nhập khẩu từ Ả Rập Xê Út (2021), nhập khẩu thấp hơn 15,3% trong giai đoạn này.

- Trong các cuộc điều tra đối với bánh xe thép (2020) và nhôm cán phẳng (2021) – đều nhập khẩu từ Trung Quốc, không có sự gia tăng nhập khẩu trong giai đoạn trước khi công bố thông tin.

- Trong cuộc điều tra đối với điện cực than chì nhập khẩu từ Trung Quốc (2022), trong khi nhập khẩu trong giai đoạn trước khi công bố thông tin tăng 5,5%, điều này không đáng kể.

- Trong 5 cuộc điều tra còn lại (giấy in nhiệt nhập khẩu từ Hàn Quốc (2020); mono-ethylene glycol nhập khẩu từ Hoa Kỳ (2021); ván ép bạch dương nhập khẩu từ Nga (2021); ECCS nhập khẩu từ Trung Quốc và Brazil (2022)), EC nhận thấy

hàng nhập khẩu tăng đáng kể trong giai đoạn trước khi công bố thông tin. Mức tăng dao động từ 39% đối với mono-ethylene glycol đến gần 99% đối với ván ép bạch dương. Để giải quyết thiệt hại bổ sung do hàng nhập khẩu gia tăng đáng kể gây ra, EC đã thực hiện các điều chỉnh phù hợp để tăng mức độ loại bỏ thiệt hại. Ngoại trừ các biện pháp đối với ECCS của Trung Quốc và Brazil, các biện pháp trong các trường hợp khác đều dựa trên biên độ phá giá. Do đó, việc điều chỉnh mức loại bỏ thiệt hại không ảnh hưởng đến mức độ của các biện pháp đang áp dụng, vì các mức thuế được giới hạn bởi biên độ phá giá tương ứng, đó là sự bảo vệ tối đa cho phép theo luật của WTO và EU. Trong vụ việc ECCS, việc điều chỉnh 4,1% để bù đắp thiệt hại bổ sung trong giai đoạn trước khi công bố thông tin có tác động đến mức độ của các biện pháp cuối cùng.

Tóm lại, việc rà soát và đánh giá các điều khoản mới liên quan đến việc áp dụng quy tắc mức thuế thấp hơn cho thấy rằng các điều khoản đó đã hoàn toàn đạt được các mục tiêu dự kiến là cung cấp đầy đủ các biện pháp khắc phục chống lại hành vi bán phá giá và trợ cấp. Trong khoảng 38% các vụ kiện chống bán phá giá được khởi xướng trong thời kỳ rà soát, ngành công nghiệp EU đã đưa ra những sai lệch đáng kể về nguyên liệu thô như được định nghĩa theo luật mới. Trong một số vụ việc đó, EC có thể áp dụng biện pháp ở mức cao hơn so với mức đã được áp dụng trước khi có những thay đổi pháp lý tương ứng. Rà soát thực tiễn cho thấy rằng phạm vi và ngưỡng hiện tại là đủ và phù hợp để bảo vệ và cân bằng thích hợp, ngăn chặn sự bóp méo

nguyên liệu thô. Tương tự như vậy, việc loại bỏ quy tắc mức thuế thấp hơn trong thực tiễn chống trợ cấp mang đến mức độ bảo

vệ cao hơn cho các nhà sản xuất EU phải đối mặt với hàng nhập khẩu được trợ cấp. Việc kiểm tra lợi ích của ngành công

nh nghiệp ở EU đảm bảo rằng việc tăng cường thực tiễn phòng vệ thương mại vẫn duy trì mục tiêu và cân bằng.

Phụ lục 1
BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ
Chú thích: COP (chi phí sản xuất)

Sản phẩm	Quốc gia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Bóp méo nguyên liệu thô	Kiểm tra bóp méo nguyên liệu thô nếu biên độ phá giá > thiệt hại	Bóp méo nguyên liệu thô/ Lợi ích ngành công nghiệp ở EU	Đáp ứng điều kiện	Điều 9(4) – đăng ký nhập khẩu (có/không)
UAN	Nga, Trinidad và Tobago Hoa Kỳ	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	- Nga: Có - Trinidad và Tobago/ Mỹ: Không	Có	- Giá khí tự nhiên >50% COP - Giá thấp hơn đáng kể so với giá tiêu chuẩn - Lợi ích ngành công nghiệp ở EU: Có	Có	Có
Bánh xe thép	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	- Không - Không tăng nhập khẩu
Vải sợi thủy tinh	Ai Cập Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	-
Polyvinyl alcohols	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	-
Thép tấm và thép cuộn Không gỉ cán nóng	Indonesia, Trung Quốc Đài Loan	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Indonesia & Trung Quốc: Có - Đài Loan: Không	Indonesia & Trung Quốc: Có	- Trung Quốc: Giá nguyên liệu chính >17 % COP Giá thấp hơn đáng kể so với giá tiêu chuẩn - Indonesia: Giá quặng niken > 17% COP Giá thấp hơn đáng kể so với giá tiêu chuẩn - Lợi ích ngành công nghiệp ở EU: Không	Không	Có

Sản phẩm	Quốc gia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Bóp méo nguyên liệu thô	Kiểm tra bóp méo nguyên liệu thô nếu biên độ phá giá > thiệt hại	Bóp méo nguyên liệu thô/ Lợi ích ngành công nghiệp ở EU	Đáp ứng điều kiện	Điều 9(4) – đăng ký nhập khẩu (có/không)
Giấy in nhiệt	Hàn Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	- Không - Tăng 71% trong nhập khẩu. - Biên độ thiệt hại tăng từ 16,9% lên 17,6%
Nhôm định hình	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Không	-	-	Có
Thép tấm cán nóng	Thổ Nhĩ Kỳ	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Không	-	-	Có
Nhôm cán phẳng	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Có	- Giá nhôm thời >17 % COP - Giá không thấp hơn đáng kể so với giá chuẩn	Không	- Không - Không tăng nhập khẩu
Cáp quang	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA
Thép tấm không gỉ cán nguội	Ấn Độ Indonesia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	ẤN ĐỘ: Có	Ấn Độ: Nhà xuất khẩu Không sử dụng nguyên liệu thô	Không	Không
Mono-etylen glycol	Ả Rập Saudi Hoa Kỳ	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	Không

- Hoa Kỳ :
Nhập khẩu tăng 39 %
Biên độ thiệt hại đã điều chỉnh
- Ả Rập Saudi: Không tăng nhập khẩu

Sản phẩm	Quốc gia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Bóp méo nguyên liệu thô	Kiểm tra bóp méo nguyên liệu thô nếu biên độ phá giá > thiệt hại	Bóp méo nguyên liệu thô/ Lợi ích ngành công nghiệp ở EU	Đáp ứng điều kiện	Điều 9(4) – đăng ký nhập khẩu (có/không)
Ván ép bạch dương	Nga	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	- Không - Nhập khẩu tăng 98,6 % - Biên độ thiệt hại được điều chỉnh theo hệ số 1,02
Nhôm lá	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Có	- Giá nhôm thỏi > 17% COP - Giá không thấp hơn đáng kể so với giá chuẩn.	Không	- Không - Nhập khẩu giảm 47%
Tháp gió	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA
Chốt cài thép	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA
Canxi silic	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Có	- Giá điện = 20% COP - Không có bằng chứng về giá kép	Không	- Không - Nhập khẩu giảm 36%
Điện cực than chì	Trung Quốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	Không	-	-	- Không - Nhập khẩu tăng 5,5%
Polyme siêu thấm	Hàn Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA
Thép chống ăn mòn	Nga Thổ Nhĩ Kỳ	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA

Sản phẩm	Quốc gia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Bóp méo nguyên liệu thô	Kiểm tra bóp méo nguyên liệu thô nếu biên độ phá giá > thiệt hại	Bóp méo nguyên liệu thô/ Lợi ích ngành công nghiệp ở EU	Đáp ứng điều kiện	Điều 9(4) – đăng ký nhập khẩu (có/không)
Thép mạ crom điện phân	Trung Quốc Brazil	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	- Trung Quốc : Có - Brazil : Không	Có	- Giá thép cuộn cán nóng (HRC) >17% COP. - Giá thấp hơn đáng kể so với giá chuẩn. - Lợi ích ngành công nghiệp ở EU: Có	Có	- Không - Nhập khẩu tăng 58% - Biên độ thiệt hại được điều chỉnh bằng 4,1%
Gạch ốp lát	Ấn Độ Thổ Nhĩ Kỳ	-	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	NA
Bánh xe nhôm	Ma-rốc	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Không	-	-	-	Có
Axit béo	Indonesia	-	Biện pháp cuối cùng	Có	Có	- Giá dầu cọ thô >40% và giá dầu hạt cọ thô >50% COP. - Giá thấp hơn đáng kể so với giá chuẩn. - Lợi ích ngành công nghiệp ở EU: Có	Có	NA

Phụ lục 2
BIỆN PHÁP CHỐNG TRỢ CẤP

Sản phẩm	Quốc gia	Điều khoản tạm thời 12(1)	Điều khoản cuối cùng 15(1)	Biện pháp áp thuế chống trợ cấp tương ứng	Cuộc điều tra chống bán phá giá riêng biệt
Dầu diesel sinh học	Indonesia	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	-
Vải sợi thủy tinh	Trung Quốc Ai Cập	-	Biện pháp cuối cùng	Có	AD653
Sợi thủy tinh	Ai Cập	Biện pháp tạm thời	Biện pháp cuối cùng	Có	-
Nhôm lá	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Có	AD673
Cáp quang	Trung Quốc	-	Biện pháp cuối cùng	Có	AD669
Thép tấm không gỉ cán nguội	Ấn Độ Indonesia	-	Biện pháp cuối cùng	Có	AD670

LÊ MINH NGUYỆT
Trung tâm Thông tin và Cảnh báo



Tổng hợp và đánh giá tình hình áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của các nước G20 giai đoạn 2009-2022

Vào tháng 7/2023, Ban Thư ký Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã công bố báo cáo rà soát các biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng bởi các nước thành viên G20.

1. Tình hình chung:

Theo báo cáo của WTO, từ năm 2008 đến năm 2022, các nước G20 đã nhiều lần khởi xướng điều tra và áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, hoặc áp dụng đồng lúc cả hai biện pháp này đối với hàng hóa nhập khẩu vào nước mình. Trung Quốc vẫn là mục tiêu phổ biến nhất của các cuộc khởi xướng điều tra và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong giai đoạn này, chiếm 30% tổng số vụ, tiếp theo là Hàn Quốc.

Số liệu thống kê của Ban Thư ký WTO cho thấy chống bán phá giá chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các vụ khởi xướng và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của các nước G20 từ trước đến nay, chiếm khoảng 70%.

Các vụ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại (điều tra chống bán phá giá, thuế đối kháng và tự vệ) của các nền kinh tế G20 đã giảm đáng kể xuống còn 100 vụ vào năm 2022 so với 172 vụ vào năm 2021 (giảm 42%). Tương tự, tổng số biện pháp mà các nền kinh tế G20 đã áp dụng giảm 63%, từ 271 vụ năm 2021 xuống còn 99 vụ trong năm 2022.

Do các biện pháp tự vệ phải tuân theo các quy tắc và thời hạn khác so với các hành động chống bán phá giá và chống trợ cấp khi áp dụng cho tất cả các quốc gia/lãnh thổ xuất khẩu nên xu hướng khởi xướng điều tra tự vệ đã giảm mạnh xuống còn 1 vụ

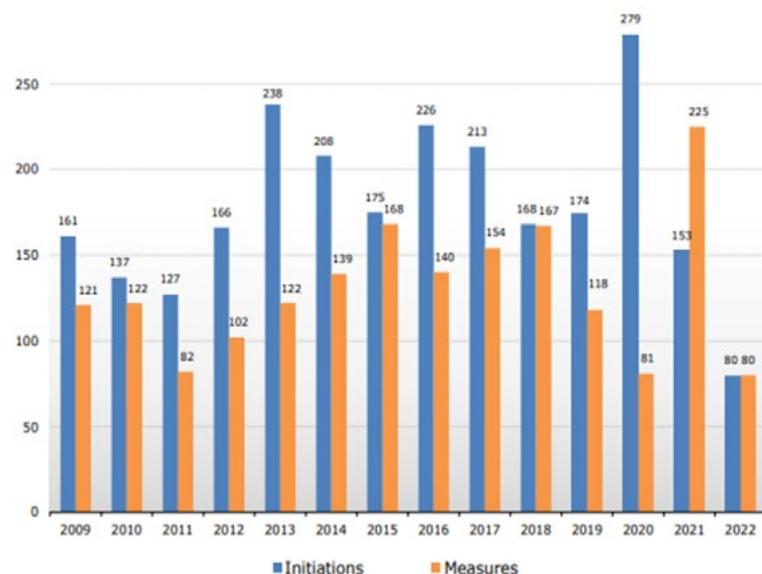
khởi xướng vào năm 2022, giảm từ 12 vụ vào năm 2019.

2. Chống bán phá giá

Dữ liệu gần đây nhất đã được tổng hợp (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2022) cho thấy số vụ điều tra chống bán phá giá do các nền kinh tế G20 khởi xướng đã giảm 10% so với khoảng thời gian 6 tháng trước đó (từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2022). Trên cơ sở 12 tháng, số lần khởi xướng

cũng giảm đáng kể, từ 153 vào năm 2021 xuống còn 80 vào năm 2022. Mặc dù các cuộc điều tra chống bán phá giá không nhất thiết dẫn đến việc áp dụng các biện pháp, nhưng việc tăng hoặc giảm số lượng các cuộc điều tra được khởi xướng là một dấu hiệu ban đầu về khả năng tăng hoặc giảm số lượng các biện pháp được áp dụng.

Biểu đồ 1: Số lượng vụ khởi xướng điều tra (Initiations) và áp dụng biện pháp (Measures) chống bán phá giá của các thành viên khối G20, giai đoạn 2009-2022



Nguồn: Ban Thư ký WTO (tháng 7/2023)

Trong 24 tháng được rà soát, 233 vụ điều tra chống bán phá giá đã được khởi xướng và 305 biện pháp chống bán phá giá đã được các nền kinh tế G20 áp dụng. Riêng trong năm 2022, đã có 80 vụ khởi xướng và 80 biện pháp chống bán phá giá được áp dụng. Điều cần lưu ý là có thể mất tới 18 tháng để kết thúc một cuộc điều tra chống bán phá giá, do đó các biện pháp này có thể không nhất thiết là kết quả của các vụ khởi xướng trong cùng thời gian.

Xét về các quốc gia thành viên G20, Ấn Độ dẫn đầu về số lượng các vụ khởi xướng điều tra chống bán phá giá trong năm 2022, tổng cộng 29 vụ, trong đó có 8 vụ vào nửa đầu năm và tới 21 vụ vào nửa cuối năm.

Đứng thứ hai là Hoa Kỳ với 14 vụ trong nửa đầu năm và 5 vụ trong nửa cuối năm, tổng cộng là 19 vụ.

Trong khi đó một số quốc gia không khởi xướng vụ điều tra chống bán phá giá nào trong năm 2022, như Brazil, Nhật Bản, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Ả Rập Xê-út.

Xét về việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, Hoa Kỳ nhiều nhất với 15 vụ, tiếp theo là Argentina với 10 vụ, Nam Phi với 8 vụ.

Ả Rập Xê-út là thành viên G20 không áp dụng một biện pháp chống bán phá giá mới

nào trong năm 2022. Tuy nhiên, trước đó vào năm 2021, nước này khởi xướng 12 vụ và áp dụng 01 biện pháp chống bán phá giá. Do các cuộc điều tra kéo dài đến 18 tháng nên trong năm 2022, Ả Rập Xê-út chưa kết luận và chính thức áp dụng biện pháp chống bán phá giá nào.

Bảng 1: Số vụ khởi xướng và áp dụng biện pháp chống bán phá giá của từng nước thành viên G20, các kỳ từ tháng -tháng 6/2022 và từ tháng 6-tháng 12/2022

Thành viên G20	T1-T6/2022		T6-T12/2022	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
Argentina	5	3	4	7
Australia	3	0	0	1
Brazil	0	0	0	5
Canada	2	3	0	1
Trung Quốc	1	2	1	0
EU	1	4	2	4
Ấn Độ	8	3	21	4
Indonesia	0	2	0	0
Nhật Bản	0	0	0	2
Hàn Quốc	5	1	0	2
Mexico	1	1	3	0
Nga	0	2	0	0
Ả rập Xê-út	0	0	0	0
Nam Phi	1	4	2	6
Thổ Nhĩ Kỳ	0	2	0	5
Vương quốc Anh	1	0	0	1
Hoa Kỳ	14	10	5	5
Tổng	42	37	38	43

Nguồn: Ban Thư ký WTO

Về các nhóm hàng hóa bị ảnh hưởng bởi việc khởi xướng điều tra chống bán phá giá, trong giai đoạn nửa đầu năm 2021, tỷ trọng lớn nhất thuộc về lĩnh vực sản phẩm động vật và máy móc, ngoài ra còn có hóa chất và kim loại. Trong giai đoạn nửa cuối năm 2021, nửa đầu năm 2022, hầu hết các vụ khởi xướng đều liên quan đến các sản phẩm thuộc lĩnh vực hóa chất, kim loại và nhựa. Trong giai đoạn gần đây nhất có thống kê đầy đủ (nửa cuối năm 2022), các cuộc điều tra chủ yếu tập trung vào lĩnh vực hóa chất, kim loại và máy móc.

Trong giai đoạn rà soát (2021-2023), Ủy ban về Thực hành Chống bán phá giá của WTO đã tổ chức hai cuộc họp, vào ngày 26 tháng 10 năm 2022 và ngày 3 tháng 5 năm 2023, tại đó có 40 ý kiến quan ngại liên quan đến các biện pháp chống bán phá giá đã được nêu ra. Hầu hết những lo ngại này (25/40, tương đương với 63% tổng số ý kiến đã được đưa ra) liên quan đến các biện pháp chống bán phá giá của các nước gồm Úc (1), Brazil (1), Canada (1), Trung Quốc (6), Liên minh Châu Âu (4), Ấn Độ (2), Cộng hòa của Hàn Quốc (3), Liên bang Nga (1), Nam Phi (2), Vương quốc Anh (1) và Hoa Kỳ (3).

Các vấn đề quan ngại đã được nêu ra tại 02 cuộc họp này gồm có:

Việc tiếp tục áp dụng các biện pháp chống bán phá giá do rà soát hoàng hôn;

Thời hạn của các biện pháp chống bán phá giá của Hoa Kỳ: các biện pháp kéo dài;

Các cuộc rà soát hoàng hôn do Liên minh Châu Âu tiến hành dẫn đến việc tiếp tục áp dụng các

biện pháp chống bán phá giá kéo dài;

Quy định của Liên minh Châu Âu (EU) 2017/2321 và Quy định (EU) 2018/825;

Cách tiếp cận của Hoa Kỳ về các nền kinh tế phi thị trường (NME) đối với một số nước trong các cuộc điều tra chống bán phá giá;

Phương pháp luận để tính toán các chỉ tiêu liên quan đến một vụ điều tra chống bán phá giá, trong trường hợp nước liên quan được coi là nền kinh tế phi thị trường;

Tầm quan trọng của thông báo kịp thời vì mục đích minh bạch;

Các đợt rà soát chuyển tiếp, việc Vương quốc Anh tiếp tục áp dụng các biện pháp chống bán phá giá của Liên minh Châu Âu sau Brexit và các đợt rà soát chuyển tiếp kéo dài;

Các cuộc điều tra chống lẩn tránh thường xuyên được Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng trong những năm gần đây;

Những tác động tiêu cực của tình hình địa chính trị đối với nền kinh tế U-crai-na, cơ sở hạ tầng, cơ sở sản xuất quan trọng, năng lực, chi phí sản xuất, sản lượng, tiềm năng xuất khẩu và khả năng bảo vệ lợi ích của các bên liên quan trong các cuộc điều tra chống bán phá giá; và

Các đánh giá, rà soát hoàng hôn của Hoa Kỳ để áp dụng tỷ lệ phá giá cho hàng hóa từ một số nước.

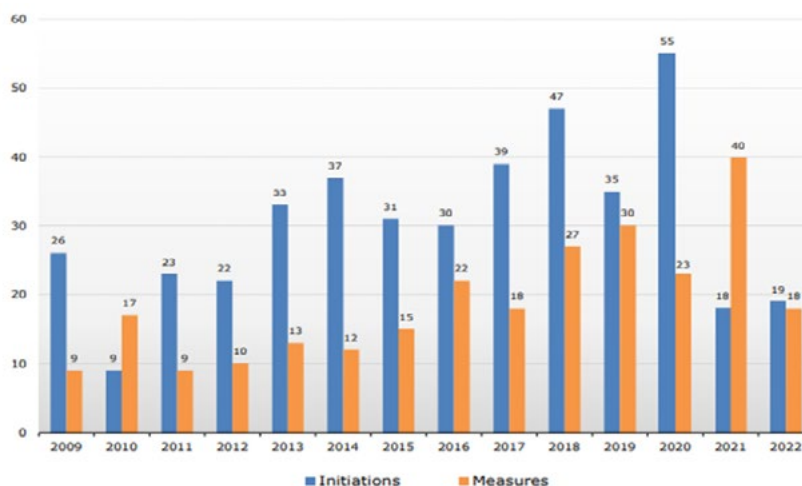
3. Chống trợ cấp

Kể từ Báo cáo giám sát thương mại đầu tiên được WTO thực hiện vào năm 2009, số lượng các vụ điều tra chống trợ cấp biến động qua các năm, đạt mức cao nhất vào năm 2020. Tuy

nhiên, trong các năm 2021 và 2022, số vụ đã sụt giảm đáng kể so với các năm trước.

Dữ liệu gần đây nhất được tổng hợp bởi WTO (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2022) cho thấy số lượng các cuộc điều tra về thuế chống trợ cấp do các thành viên G20 khởi xướng đã giảm nhiều so với khoảng thời gian 6 tháng trước đó (từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2022). Xét trong 2 năm gần đây, số vụ khởi xướng ổn định ở mức 18 vụ vào năm 2021 và 19 vụ vào năm 2022.

Biểu đồ 2: Số lượng vụ khởi xướng điều tra (Initiations) và áp dụng biện pháp (Measures) chống trợ cấp của các thành viên khối G20, giai đoạn 2009-2022



Nguồn: Ban Thư ký WTO (tháng 7/2023)

Trong 24 tháng được xem xét (từ tháng 01/2021-tháng 12/2022), 37 cuộc điều tra để áp thuế chống trợ cấp đã được khởi xướng và 58 biện pháp chống trợ cấp đã được các nền kinh tế G20 áp dụng. Do có thể mất tới 18 tháng để kết thúc một cuộc điều tra chống trợ cấp, các biện pháp này có thể không nhất thiết là kết quả của các lần khởi xướng trong cùng thời gian.

Xét về nhóm hàng hóa là đối tượng điều tra và áp dụng các biện pháp chống trợ cấp:

Nhiều lĩnh vực khác nhau là mục tiêu của các cuộc điều tra chống trợ cấp, trong đó các sản phẩm kim loại chiếm 13 trong số 37 vụ khởi xướng của các thành viên G20 trong 24 tháng được điều tra. Hóa chất và phương tiện vận tải chiếm số lượng điều tra lớn thứ hai và thứ ba, với lần lượt là 10 và 3 vụ khởi xướng.

Xét theo các nước thành viên G20:

Trong năm 2022, Hoa Kỳ là nước có số vụ khởi xướng điều tra chống trợ cấp vượt trội so với các thành viên còn lại trong G20, với 11 vụ (9 vụ trong nửa đầu năm và 2 vụ trong nửa cuối năm); đồng thời cũng có 8 vụ áp dụng biện pháp chống trợ cấp mới được thực hiện trong năm.

Tiếp theo là Ấn Độ với 3 vụ được khởi xướng, 3 vụ áp dụng biện pháp đều diễn ra trong nửa đầu năm 2022 nhưng không phải là kết quả của nhau.

Trong khi đó hai nước là Australia và Trung Quốc không khởi xướng điều tra cũng không áp dụng một biện pháp chống trợ cấp nào trong năm 2022. Trước đó trong năm 2021, Australia khởi xướng 01 vụ, không áp dụng biện pháp nào, Trung Quốc không khởi xướng vụ nào nhưng áp dụng 01 biện pháp là kết quả của cuộc điều tra vào năm trước nữa.

Bảng 2: Số vụ khởi xướng và áp dụng biện pháp chống trợ cấp của từng nước thành viên G20, các kỳ từ tháng -tháng 6/2022 và từ tháng 6-tháng 12/2022

Thành viên G20	T1-T6/2022		T6-T12/2022	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
Australia	0	0	0	0
Brazil	2	0	0	2
Canada	2	1	0	1
Trung Quốc	0	0	0	0
EU	1	3	0	0
Ấn Độ	3	3	0	0
Vương quốc Anh	2	0	0	0
Hoa Kỳ	9	5	2	3
Tổng	17	12	2	6

Nguồn: Ban Thư ký WTO (tháng 7/2023)

Tại các cuộc họp thường kỳ của Ủy ban về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng vào ngày 25 tháng 10 năm 2022 và ngày 2 tháng 5 năm 2023, 10 trong số 11 mối quan ngại thương mại được nêu ra liên quan đến các cuộc điều tra hoặc biện pháp chống trợ cấp của các nền kinh tế G20 gồm: Braxin (1), Trung Quốc (1), Liên minh Châu Âu (3), Ấn Độ (2) và Hoa Kỳ (3).

Những quan ngại tập trung vào các vấn đề sau:

Việc các Thành viên được gia hạn theo Điều 27.4 của Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (gọi tắt là SCM) loại bỏ trợ cấp xuất khẩu;

Mức độ tuân thủ các nghĩa vụ thông báo và minh bạch trong Thỏa thuận SCM thấp và ngày càng giảm;

Các yêu cầu cung cấp thông tin theo Điều 25.8 và 25.9 (để xuất về thủ tục từ Hoa Kỳ);

Yêu cầu cung cấp thông tin về các chính sách và biện pháp trợ cấp bị cáo buộc là phân biệt đối xử của Hoa Kỳ;



Trợ cấp và dư thừa năng lực;
việc sử dụng các dữ kiện bất lợi mà Hoa Kỳ có sẵn trong các cuộc điều tra thuế chống trợ cấp khác nhau;

các cuộc điều tra chống trợ cấp của Liên minh Châu Âu liên quan đến cái gọi là trợ cấp xuyên quốc gia;

tính minh bạch của trợ cấp và nghĩa vụ xuất bản và điểm hỏi đáp của Trung Quốc theo nghị định thư gia nhập của Trung Quốc;

đề xuất sửa đổi thủ tục xem xét các thông báo trợ cấp mới và đầy đủ; và

Quy định về Trợ cấp nước ngoài của Liên minh Châu Âu.

4. Biện pháp tự vệ thương mại

Các biện pháp tự vệ là các biện pháp tạm thời được áp dụng để đối phó với việc gia tăng nhập khẩu hàng hóa gây ra thiệt hại nghiêm trọng và được áp dụng đối với các sản phẩm từ mọi nguồn cung ứng, tức là tất cả các quốc gia/lãnh thổ hải quan có xuất khẩu hàng hóa đến nước áp dụng biện pháp này.

Các biện pháp tự vệ phải tuân theo các quy tắc và thời hạn khác với các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp và do đó, không thể so sánh trực tiếp với các loại biện pháp phòng vệ thương mại khác.

Trong năm 2022, chỉ có một vụ khởi xướng và một vụ áp dụng biện pháp tự vệ. Sau khi đạt mức cao là 12 vụ vào năm 2019- một trong những năm có số vụ áp dụng biện pháp tự vệ cao nhất kể từ năm 1995, xu hướng này đã giảm mạnh trong 3 năm trở lại đây.



Bảng 3: Số vụ khởi xướng và áp dụng biện pháp tự vệ thương mại của các nước thành viên G20, các kỳ từ tháng -tháng 6/2022 và từ tháng 6-tháng 12/2022

Thành viên G20	T1-T6/2022		T6-T12/2022	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
Ấn Độ	0	0	1	0
Indonesia	0	0	0	0
Nam Phi	0	0	0	0
Thổ Nhĩ Kỳ	0	0	0	1
Tổng	0	0	1	1

Nguồn: Ban Thư ký WTO (tháng 7/2023)

Tại các cuộc họp thường kỳ của Ủy ban về các biện pháp tự vệ vào ngày 24 tháng 10 năm 2022 và ngày 1 tháng 5 năm 2023¹⁷, 8 trong số 18 mối quan ngại được nêu có liên quan đến các cuộc điều tra tự vệ của các nền kinh tế G20 gồm: Liên minh châu Âu (1), Ấn Độ (2), Indonesia (3), các Vương quốc Anh (1) và Hoa Kỳ (1).

ĐINH BẢO LINH

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại



Định hướng xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ thị trường trong nước trong bối cảnh hiện nay

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, với việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) và FTA thế hệ mới, tham gia khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế với các trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới và chủ động, tích cực tham gia vào các thiết chế kinh tế song phương, đa phương và khu vực. Đây mạnh hội nhập kinh tế quốc tế giúp các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu khi nhiều dòng thuế giảm về 0%, tuy nhiên, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng nhanh, càng rộng thì áp lực cạnh tranh đối với sản xuất và thị trường trong nước cũng như trên thị trường quốc tế sẽ càng lớn. Chính vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần chủ động nghiên cứu xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế để tăng cường bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: Phòng vệ thương mại, thị trường trong nước.

BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ YÊU CẦU TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương lớn của Đảng, là nội dung trọng tâm của hội nhập quốc tế và là một nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt của công cuộc đổi mới đất nước. Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ hội nhập kinh tế rất cao, khi cơ bản định hình mạng lưới gồm 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA), tham gia khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế với các trung tâm kinh tế hàng đầu và

chủ động, tích cực tham gia vào các thiết chế kinh tế đa phương, khu vực. Công tác hội nhập kinh tế quốc tế thường xuyên được tăng cường với những phương thức hội nhập mới và nhiều sáng kiến mới. Mỗi một dấu mốc lịch sử quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế giúp khẳng định vị thế ngày càng vững chắc trên trường quốc tế, đánh dấu sự hội nhập toàn diện của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu, tạo ra những động lực vượt trội giúp đất nước hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục đổi mới toàn diện, vững bước tiến lên phát triển trong giai đoạn mới.

Với việc chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) từ tháng 1/2007, đến nay Việt Nam đã có hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, thiết lập quan hệ kinh tế với khoảng 230 nước và vùng lãnh thổ, trở thành đối tác chiến lược của 17 quốc gia... Bên cạnh đó, các dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam có thể kể đến như: Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN - 1995); là thành viên sáng lập của Diễn đàn kinh tế Á - Âu (ASEM - 1998); trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC - 1998).

Tính đến năm 2023, Việt Nam đã hoàn thành ký kết 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) ở cấp độ song phương và khu vực (trong đó đang thực thi 14 FTA, 1 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực), đang đàm phán VN - EFTA FTA giữa Việt Nam, Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein, mới đây nhất ngày 2/4/2023 là Tuyên bố về việc kết thúc đàm

phán Hiệp định FTA Việt Nam - Israel sau 7 năm với 12 phiên đàm phán để cuối cùng đạt được thỏa thuận phù hợp với mong muốn và lợi ích của cả hai bên. Trong đó đáng chú ý là 3 FTA thế hệ mới gồm Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA). Thuật ngữ “FTA thế hệ mới” được sử dụng để chỉ các FTA với những cam kết sâu rộng và toàn diện, các cam kết cắt giảm thuế gần như về 0% (có thể có lộ trình), cơ chế thực thi chặt chẽ hơn, ngoài những cam kết về tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ như các FTA “truyền thống”, nó bao hàm cả những lĩnh vực được coi là “phi truyền thống” như các vấn đề lao động, công đoàn, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm Chính phủ, sở hữu trí tuệ, minh bạch hóa, cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư...

Trong công tác FTA, Việt Nam đã tham gia FTA có quy mô lớn nhất thế giới trong khuôn khổ ASEAN là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ thông qua Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); Ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định RCEP của Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2026; Ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/02/2022 về quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định RCEP và ban hành Nghị định quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện cam kết Hiệp định RCEP;

Tham dự các Phiên họp của Ủy ban thực thi Hiệp định RCEP (RJC) theo hình thức trực tuyến. (Bộ Công Thương, 2021, 2022).

Thời gian tới, Bộ Công Thương tiếp tục thực hiện các hoạt động tuyên truyền về các cam kết trong các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA... cho doanh nghiệp; tiếp tục xúc tiến các công tác liên quan để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định FTA Việt Nam - Israel (VIFTA) trong năm 2023 nhân kỷ niệm 30 năm ngày hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao; tiếp tục giải quyết các vấn đề vướng mắc trong đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và khối EFTA (Việt Nam - EFTA FTA) để có thể sớm kết thúc đàm phán trên cơ sở cân bằng lợi ích của cả hai phía.

Đối với thị trường trong nước, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng nhanh, càng rộng

thì áp lực cạnh tranh đối với sản xuất trong nước cũng sẽ càng lớn. Trong khi đó, năng lực sản xuất trong nước còn chậm được cải thiện, đặc biệt là ở các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu, do vậy nhập siêu có xu hướng gia tăng (chủ yếu nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất). Với việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế và các rào cản kỹ thuật để thực thi các cam kết FTA, hàng hóa và công nghệ của các nước sẽ dễ dàng thâm nhập vào nước ta, đặt các doanh nghiệp trong nước trước sự cạnh tranh hết sức khốc liệt, đồng thời gây áp lực lên công tác quản lý và kiểm soát nhập khẩu. Hơn nữa, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước vẫn ở mức thấp, khu vực tư nhân mặc dù đã phát triển song quy mô còn nhỏ và hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ,

lao động chất lượng cao. Đáng chú ý, nguy cơ gia tăng gian lận nguồn gốc xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp, gian lận thuế và lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đang hiện hữu.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần chủ động nghiên cứu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế để tăng cường bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

2. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

2.1. Thực trạng hệ thống quy định pháp luật về phòng vệ thương mại ở Việt Nam

Từ khi Tổ chức thương mại thế giới (WTO) thành lập (ngày 1/1/1995), các biện pháp phòng vệ thương mại đã được quy định cho phép các nước thành viên sử



dụng như là một công cụ chính sách thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước tránh những thiệt hại do sự xâm nhập và gia tăng của hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, các biện pháp phòng vệ thương mại chỉ được áp dụng khi có hiện tượng, hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu. Đồng thời, để áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các nước thành viên phải tiến hành điều tra theo các nguyên tắc, quy trình, thủ tục đã được quy định trong các hiệp định liên quan của WTO.

Phòng vệ thương mại gồm 3 biện pháp cơ bản: Chống bán phá giá, chống trợ cấp và biện pháp tự vệ, trong đó, biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng để đối phó với hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay không công bằng của hàng hóa nhập khẩu (như bán phá giá hoặc được trợ cấp). Biện pháp tự vệ được áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định trong điều kiện thương mại công bằng, là công cụ bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa trong nước nhằm hạn chế những tác động tiêu cực gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước do hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến. Tuy nhiên, khi sử dụng biện pháp này, nước áp dụng có thể sẽ phải đối mặt với yêu cầu đền bù từ nước bị áp dụng. Ngoài ra, các nước còn điều tra và áp dụng biện pháp chống lại các hành vi lẫn tránh ba biện pháp trên (thường gọi là biện pháp chống lẫn tránh). Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, các biện pháp phòng vệ thương mại đang trở thành công cụ chính sách quan trọng góp phần tăng

cường hiệu quả của cả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước tình hình đó, trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã và đang tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và cam kết quốc tế liên quan đến việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, ngày càng hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, thể chế cũng như các chính sách, chương trình, đề án, cơ chế phối hợp về phòng vệ thương mại trong tình hình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Tại Việt Nam, lĩnh vực phòng vệ thương mại được quy định chi tiết tại một số văn bản pháp luật như sau:

- Pháp luật về phòng vệ thương mại tại Việt Nam bắt đầu được xây dựng và hình thành từ năm 2005, được hoàn thiện trong Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua vào ngày 12/6/2017, trong đó có chương riêng với các nội dung chi tiết về phòng vệ thương mại.

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại.

- Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 4/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”. Quyết định này góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác ngăn ngừa, phòng chống các hành vi gian lận xuất xứ, lẫn tránh bất hợp pháp biện pháp phòng vệ thương mại, góp phần nâng cao

hiệu quả quản lý nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thông tư số 19/2019/TT-BCT ngày 30/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành “Quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương”.

- Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

- Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”.

- Quyết định số 1347/QĐ-BCT ngày 19/5/2020 của Bộ Công Thương ban hành quy định về việc triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực phòng vệ thương mại cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Thông tư số 30/2020/TT-BCT ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại, trong đó hướng dẫn áp dụng biện pháp tự vệ song phương, biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp để thực thi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) ngay khi Hiệp định chính thức có hiệu lực.

- Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về phòng

vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Quyết định này được ban hành giúp tạo ra khuôn khổ toàn diện, tổng thể để tạo điều kiện tăng cường hiệu quả công tác phòng vệ thương mại, bảo vệ hợp pháp và hợp lý sản xuất trong nước, nâng cao hiểu biết, năng lực của các doanh nghiệp, hiệp hội về công cụ phòng vệ thương mại, đồng thời có chiến lược và cơ chế phối hợp nhằm ứng phó hiệu quả với các vụ kiện phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Thông tư số 14/2021/TT-BCT ngày 29/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định hướng dẫn thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) về phòng vệ thương mại.

Về tổ chức thực hiện, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) được giao trách nhiệm là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách về vấn đề phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam cũng như hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Cục Phòng vệ thương mại có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng chủ động nghiên cứu

những diễn biến mới trong chính sách, pháp luật về phòng vệ thương mại của các nước, tình hình cải cách WTO (như Cơ chế trọng tài phúc thẩm tạm thời - MPIA); theo dõi các vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO để đề xuất hoàn thiện chính sách phòng vệ thương mại của Việt Nam phù hợp với các quy định quốc tế và thực tiễn trên thế giới. Bên cạnh đó, một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, ngành, tổ chức hiệp hội, doanh nghiệp cũng có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin liên quan tới lĩnh vực phòng vệ thương mại.

Như vậy, hệ thống pháp luật phòng vệ thương mại ở Việt Nam đã liên tục được hoàn thiện từ các Luật, Nghị định, Quyết định đến Thông tư, giúp nâng cao khả năng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và xử lý hiệu quả các vụ việc liên quan đến phòng vệ thương mại.

2.2. Đánh giá khái quát công tác phòng vệ thương mại ở Việt Nam

** Kết quả đạt được:*

Trong thời gian qua, việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đã cho những kết quả khá tích cực.

Tính đến hết năm 2021, Việt Nam đã tiến hành điều tra tổng cộng 25 vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, trong đó có 16 vụ việc chống bán phá giá, 01 vụ việc chống trợ cấp, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM (CLT) với các sản phẩm thép, kính nổi, dầu ăn, bột ngọt, phân bón, màng BOPP, nhôm, ván gỗ, sợi, đường... Trong số đó, Bộ Công Thương đã ban hành quyết định áp dụng 7 biện pháp chống bán phá giá,

5 biện pháp tự vệ và 1 biện pháp chống lẩn tránh biện pháp tự vệ.

Riêng năm 2021, Bộ Công Thương đã hoàn thành điều tra đối với 06 vụ việc, trong đó có 05 vụ việc Bộ Công Thương đã quyết định áp dụng biện pháp PVTM đối với hàng nhập khẩu. Đồng thời, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra 03 vụ việc mới và các vụ việc này có kết quả điều tra trong năm 2022. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát 07 biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực để cân nhắc điều chỉnh mức độ, phạm vi và thời gian áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật.

Đối với nhà nước, hiệu quả của các biện pháp phòng vệ thương mại được sử dụng là góp phần bảo vệ sản xuất trong nước, tăng thu cho ngân sách với hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm. Ngoài ra, các biện pháp phòng vệ thương mại còn bảo vệ lợi ích các ngành sản xuất trong nước, đóng góp khoảng 6% tổng GDP năm 2019, giúp nhiều doanh nghiệp sản xuất vượt qua khó khăn, khủng hoảng, giảm nguy cơ hàng hóa Việt Nam bị điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà nhiều nhất là chống bán phá giá.

Đối với doanh nghiệp, các biện pháp phòng vệ thương mại được đánh giá mang lại hiệu quả thiết thực đối với các doanh nghiệp, bảo vệ việc làm của gần 150.000 lao động trong các lĩnh vực liên quan. Nhờ công cụ phòng vệ thương mại, một số doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể tình hình sản xuất, kinh doanh, thoát khỏi thua lỗ và từng bước ổn định sản xuất. Đặc biệt, các biện pháp phòng vệ thương mại góp phần ổn định giá đầu



vào cho một số ngành sản xuất trong nước.

** Một số vấn đề đặt ra:*

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhìn chung Việt Nam chưa sử dụng hữu hiệu các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ các ngành sản xuất và thị trường trong nước, kết quả còn chưa như mục tiêu đề ra và chưa hiệu quả như một số nước khác đã sử dụng.

- Trước hết về nhận thức, nhiều doanh nghiệp còn chưa hiểu rõ về các biện pháp phòng vệ thương mại, ít sử dụng công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước, do đó hạn chế trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu. Theo kết quả khảo sát của Cục Phòng vệ thương mại tiến hành năm 2019 để tìm hiểu về mức độ nhận thức của doanh nghiệp về PVTM, mặc dù cho thấy đã có những chuyển biến tích cực song

mức độ hiểu biết còn hạn chế, cụ thể: Có 11% doanh nghiệp được hỏi là không biết về biện pháp PVTM, 36% có nghe nhưng không biết sâu về biện pháp PVTM, 36% đã tìm hiểu qua về biện pháp PVTM và 17% đã tìm hiểu rất kỹ về biện pháp PVTM. Thậm chí, có doanh nghiệp bị điều tra phòng vệ thương mại nhưng không hề hay biết.

- Mức độ hiểu biết nói chung của các doanh nghiệp về PVTM vẫn còn hạn chế, việc này còn hạn chế hơn ở cấp độ ngành nghề cụ thể, do đó dẫn đến tâm lý ngại khởi kiện, ảnh hưởng tới việc hợp tác, phối hợp cung cấp thông tin khi xây dựng hồ sơ để nghị điều tra PVTM.

- Thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp cùng ngành đang được xem là rào cản trong việc sử dụng các biện pháp PVTM đối với hàng nhập khẩu. Các biện pháp PVTM là để bảo vệ lợi ích hợp pháp của một ngành, lĩnh

vực cụ thể. Do đó, để áp dụng được biện pháp điều tra PVTM cần phải có sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong ngành, tập hợp lực lượng sức mạnh của doanh nghiệp cùng ngành nhằm đảm bảo các yêu cầu về quy định pháp lý, tính đại diện khi nộp hồ sơ, tính đại diện của ngành sản xuất trong nước.

- Việc xây dựng hồ sơ để nghị điều tra áp dụng biện pháp PVTM cũng là vấn đề ảnh hưởng lớn tới việc sử dụng các biện pháp PVTM, trong đó bao gồm việc thu thập dữ liệu, cung cấp, chia sẻ thông tin của doanh nghiệp, thu thập thông tin về chi phí, giá bán tại nước xuất khẩu, dữ liệu về hàng hóa nhập khẩu.

- Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp PVTM thường kéo dài (12 - 18 tháng) và các doanh nghiệp phải hợp tác chặt chẽ, cung cấp thông tin trong suốt quá trình điều tra, điều này cũng là một cản trở đối với việc

áp dụng biện pháp PVTM. Hơn nữa, việc theo đuổi vụ việc điều tra PVTM cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải phân bổ nguồn lực để hợp tác, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra, cũng như nguồn lực tài chính để thuê đơn vị tư vấn, hỗ trợ trong suốt quá trình vụ việc.

- Về phía hiệp hội, ở Việt Nam các tổ chức hiệp hội hoạt động chưa thực sự hiệu quả nhằm trợ giúp doanh nghiệp giải quyết các vụ việc liên quan đến phòng vệ thương mại, nâng cao sức mạnh đoàn kết doanh nghiệp để có tiếng nói chung và sức mạnh tập thể trong giải quyết các vụ kiện về phòng vệ thương mại. Thực tế các vụ, việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thời gian qua chỉ là hoạt động của một vài doanh nghiệp đơn lẻ mà không phải là của cả một hiệp hội ngành nghề. Điều này khiến cho việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại thêm khó khăn và thực sự không hiệu quả trong bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước.

3. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI NHẪM BẢO VỆ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC THỜI GIAN TỚI

3.1. Định hướng xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ thị trường trong nước

- Quán triệt nguyên tắc chỉ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trong phạm vi, mức độ cần thiết, đảm bảo hợp lý, phù hợp, có thời hạn nhằm bảo vệ, ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

- Chính phủ quy định chi tiết cách xác định thiệt hại của

ngành sản xuất trong nước, làm căn cứ tiến hành điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, chịu trách nhiệm chỉ đạo phối hợp các cơ quan liên quan trong quá trình tiến hành thủ tục điều tra, quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Chỉ được áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại sau khi tiến hành điều tra minh bạch, công bằng, trên cơ sở các kết luận điều tra, phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế. Công bố công khai các quyết định về việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

- Không thu các khoản chênh lệch về thuế nếu mức thuế PVTM chính thức cao hơn mức thuế PVTM tạm thời, đồng thời phải hoàn lại khoản chênh lệch về thuế nếu mức thuế PVTM chính thức thấp hơn mức thuế PVTM tạm thời. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp PVTM chính thức thì thuế PVTM tạm thời đã thu hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế PVTM tạm thời phải được hoàn lại.

- Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về bên liên quan trong vụ việc điều tra, chỉ đạo hoạt động cung cấp, thu thập thông tin, tài liệu và bảo mật thông tin, tài liệu trong quá trình điều tra; quản lý nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại và cả các trường hợp miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

3.2. Một số giải pháp tăng cường áp dụng các biện pháp

phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ thị trường trong nước

** Về phía Nhà nước:*

- Cần tiếp tục hoàn thiện về mặt pháp lý và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhằm bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất và thị trường nội địa.

- Trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các văn bản pháp luật trong phòng vệ thương mại rất cần được đối chiếu, rà soát sao cho phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế xuất, nhập khẩu, Luật Hải quan, nhất là cần sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý ngoại thương hoặc xây dựng Luật Phòng vệ thương mại phù hợp với các hiệp định, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; từ đó hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác hiệu quả các hiệp định, điều ước quốc tế thông qua năng lực điều tra, cảnh báo sớm và ứng phó với các vụ, việc phòng vệ thương mại trong và ngoài nước.

- Tích cực sử dụng các kênh đối thoại song phương, đa phương để xử lý các vụ, việc PVTM; xem xét, khai thác tốt nhất cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, các FTA song phương và đa phương để xử lý tranh chấp với các đối tác nhập khẩu. Tiếp tục duy trì các kênh liên lạc với cơ quan điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài, luật sư, hiệp hội và doanh nghiệp để kịp thời cập nhật tình hình, thông tin các vụ, việc phòng vệ thương mại nhằm cung cấp thông tin tới các bên liên quan một cách nhanh chóng và chính xác.

- Tiếp tục quan tâm, bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành

sản xuất trong nước thông qua việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Về lâu dài, cần xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu các ngành công nghiệp nền tảng và nông nghiệp trọng điểm; số hóa việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại để giảm gánh nặng hồ sơ cho doanh nghiệp; tăng cường tiếng nói của Việt Nam về phòng vệ thương mại trên các diễn đàn khu vực và quốc tế để bảo đảm quyền và lợi ích của doanh nghiệp trong quá trình thực thi các FTA.

** Về phía các Bộ, cơ quan quản lý:*

- Cần chủ động trong việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, hướng dẫn các hiệp hội, doanh nghiệp phương hướng xử lý các vụ, việc PVTM xảy ra, tránh tình trạng bị động.

- Cũng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt xử lý các vụ, việc phòng vệ thương mại giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước, giữa các cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội, doanh nghiệp, hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu hải quan với cơ sở dữ liệu về phòng vệ thương mại để phục vụ công tác điều tra, áp dụng và ứng phó với các vụ, việc phòng vệ thương mại.

- Bộ Công Thương cần tập trung triển khai lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành công thương đến năm 2025, chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển qua biên giới, tránh buôn lậu, gian lận thương mại. Tăng cường các biện pháp kiểm tra xuất xứ hàng hóa, kiểm tra chất lượng, kiểm dịch... đối với sản phẩm nông sản, thực phẩm nhập khẩu.

** Về phía các doanh nghiệp:*

- Cần tích cực tìm hiểu và sử dụng các công cụ về phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Doanh nghiệp có quyền chủ động yêu cầu điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu có hành vi cạnh tranh không lành mạnh và đệ đơn yêu cầu WTO xem xét khi gặp một vụ việc mà doanh nghiệp thấy bị thiệt hại.

- Để nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, nhận thức của doanh nghiệp được xem là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp cũng như ngành sản xuất trong nước tránh khỏi những vụ việc phòng vệ thương mại của các nước khác, đồng thời có thể chủ động điều tra khởi kiện nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng cho doanh nghiệp. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần tích cực tìm hiểu, nâng cao nhận thức về việc áp dụng biện pháp PVTM, đồng thời có các phương án dự phòng trong chiến lược phát triển sản



xuất, xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm và thị trường xuất khẩu để ứng phó với phòng vệ thương mại từ các nước. Trong quá trình điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các nước nhập khẩu thường tìm hiểu rất kỹ về nguồn nguyên liệu cũng như chuỗi sản xuất của sản phẩm, từ đó, phát triển các chuỗi giá trị, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước để giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra do bị áp dụng các biện pháp PVTM, từ đó bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước.

- Để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp trong cùng một ngành, cần phát huy vai trò của các hiệp hội nhằm trợ giúp doanh nghiệp giải quyết các vụ việc liên quan đến phòng vệ thương mại, tăng cường hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin trong suốt quá trình điều tra, đảm bảo các yêu cầu về quy định pháp lý, tính đại diện khi nộp hồ sơ, tính đại diện của ngành sản xuất trong nước, từ đó góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp và ngành sản xuất trong nước.

Kết luận

Phòng vệ thương mại luôn là công cụ hữu hiệu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ngày càng nhiều các FTA. Đặc biệt, trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, chiến tranh, xung đột... ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhiều nước chuyển sang áp dụng các hình thức mới trong phòng vệ thương mại.

Việc kiện toàn, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước về phòng, chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến xuất xứ hàng hóa, nhất là hàng hóa lưu thông trong nước... phù hợp với các cam kết quốc tế và nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về phòng vệ thương mại là điều kiện tiên quyết giúp các hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Công Thương (2021), *Báo cáo tổng kết năm 2020 và 5 năm 2016-2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021 ngành Công Thương*, Hà Nội, ngày 7/1/2021.

[2]. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 25/4/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”*.

[3]. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*.

[4]. Chính phủ (2018), *Nghị định số 10/2018/NĐ-CP* ngày 15/01/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại.

[5]. Chính phủ (2021), *Quyết định số 1163/QĐ-TTg* ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

[6]. Chính phủ (2019), *Quyết định số 824/QĐ-TTg* ngày 4/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”.

[7]. Chính phủ (2021), *Quyết định số 1659/QĐ-TTg* ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

[8]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ 2021-2030*, Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

[9]. Quốc hội (2017), *Luật Quản lý ngoại thương* số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3.

NGUYỄN KHÁNH LINH

Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tổ chức, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại;
2. Xây dựng, vận hành và quản lý mạng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Cục;
3. Phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin phục vụ yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục trưởng;
4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong, ngoài Cục biên tập, phát hành các ấn phẩm định kỳ giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan về lĩnh vực phòng vệ thương mại và các hoạt động khác của Cục.
5. Vận hành, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Cục;
6. Chủ trì công tác cảnh báo sớm các vụ việc chống bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến phòng vệ thương mại;
8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác phòng vệ thương mại;
9. Tổ chức khảo sát, điều tra các lĩnh vực liên quan đến phòng vệ thương mại;
10. Tham gia hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Cục trong công tác nghiên cứu và phân tích thông tin theo chỉ đạo của Cục trưởng;
11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin về phòng vệ thương mại;
12. Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ được giao;
13. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính và tài sản được giao theo quy định;
14. Theo dõi và cập nhật thường xuyên các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, các mặt hàng có nguy cơ bị lẩn tránh thuế.
15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI